

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án ứng phó thiên tai
theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4419/TTr-SNN ngày 06 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: số 1125/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2013 ban hành Phương án phòng, chống ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh Tây Ninh; số 1126/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2013 ban hành Phương án phòng, chống ứng phó tình trạng ngập úng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; số 1984/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2015 ban hành Phương án ứng phó bão mạnh, rất mạnh đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh Tây Ninh; số 2994/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2015 ban hành Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *h*

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT;
- Ủy ban QGÚP SCTT và TKCN;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục PCTT;
- Chi cục PCTT miền Nam;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh

8

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,**



Trần Văn Chiến.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN

**Ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

*(kèm theo Quyết định số 5427/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, dân sinh, kinh tế-xã hội, cơ sở hạ tầng

1.1. Điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý: Tây Ninh là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; phía Bắc và phía Tây giáp tỉnh Svay Riêng, Prey Veng, Tboung Khmum của Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài 233,789 km; phía Đông giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước; phía Nam và Đông Nam giáp tỉnh Long An và Thành phố Hồ Chí Minh; Tây Ninh có 09 đơn vị hành chính gồm: 06 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố, với 71 xã, 17 phường, 06 thị trấn.

b) Đặc điểm khí tượng thủy văn: Tây Ninh nằm trong vùng chuyển tiếp giữa vùng núi cao nguyên Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long nên vừa mang đặc điểm của vùng đồi núi cao nguyên, vừa có dáng dấp của vùng đồng bằng. Địa hình Tây Ninh cao ở phía Bắc, Tây Bắc và thấp dần theo hướng Tây, Tây Nam; khí hậu tương đối ôn hòa, nhiệt độ trung bình là 27,4°C, nhiệt độ thường cao vào những tháng đầu năm và cuối mùa mưa; lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.800 - 2.200 mm (mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau).

c) Hệ thống sông ngòi: gồm 02 sông lớn là sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và rạch Trảng Bàng, rạch Tây Ninh, rạch Bảo, rạch Bến Đá.

- Sông Sài Gòn bắt nguồn từ vùng đồi núi cao thuộc đất Campuchia và huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước chảy qua các tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh rồi nhập vào sông Đồng Nai tại Tân Thuận (Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh); sông Sài Gòn có chiều dài khoảng 280 km, diện tích hứng nước 5105,17 km², trong đó phần thuộc đất Việt Nam là 4550,75 km². Hiện tại trên sông đã xây dựng công trình thủy lợi Dầu Tiếng để tưới cho diện tích canh tác của lưu vực và lưu vực sông Vàm Cỏ Đông thuộc 2 tỉnh Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh¹.

¹ Số liệu theo Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035.

- Sông Vàm Cỏ Đông bắt nguồn từ vùng núi thấp trên đất Campuchia, cao độ trên 10 m; sông Vàm Cỏ Đông chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, qua vùng đất trũng thuộc huyện Gò Dầu xuống xã Hiệp Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; Sông có diện tích lưu vực $F = 6.300 \text{ km}^2$, chiều dài dòng chính 283 km, chiều rộng dòng chính 140 – 200 m, có các nhánh lớn như rạch Cần Đăng, rạch Tây Ninh; đoạn chảy qua địa bàn tỉnh Tây Ninh từ biên giới Campuchia đến địa phận xã Phước Chỉ, thị xã Trảng Bàng có chiều dài 105 km^2 .

d) Đất đai³: diện tích đất tự nhiên là 404.164,8 ha (đất phi nông nghiệp 62.021,1 ha, đất nông nghiệp 342.143,7 ha), trong đó: đất thổ cư 10.157,7 ha; đất sản xuất nông nghiệp 342.143,7 ha (lúa 265.969,2 ha, trồng cây 205.104,4 ha); đất lâm nghiệp có rừng 72.450,3 ha (rừng sản xuất 10.426,9 ha, rừng phòng hộ 30.058,2 ha, rừng đặc dụng 31.965,2 ha); đất nuôi trồng thủy sản 2.060,7 ha; đất nông nghiệp khác 1.663,5 ha.

1.2. Dân sinh, kinh tế - xã hội⁴

a) Đặc điểm dân sinh: tổng số dân năm 2020 là 1.178.329 người (thành thị 381.106 người, nông thôn 797.223 người); mật độ dân số trung bình toàn tỉnh 291,5 người/ km^2 ; lực lượng lao động toàn tỉnh 692.832 người (thành thị: 202.862 người, nông thôn: 310.568 người), trong đó: lao động nam 382.264 người, chiếm tỷ lệ 55,17%, lao động nữ 310.568 người, chiếm tỷ lệ 44,83%; tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 14,70%, thành thị đạt 20,50%, khu vực nông thôn 12,30%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực: thành thị 1,32%, nông thôn: 1,89%.

b) Đặc điểm kinh tế-xã hội

- Tổng sản phẩm trên địa bàn 87.754 tỷ đồng (xét về quy mô và cơ cấu kinh tế), trong đó khu vực: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 21,65%, công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 43,24%, dịch vụ chiếm tỷ trọng 30,17%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm tỷ trọng 4,94%.

- Hàng năm, tình hình sản xuất nông nghiệp, chủ yếu trồng trọt bị ảnh hưởng do thiên tai (mưa lớn, mưa lớn kết hợp nước thượng nguồn Campuchia đổ về, lốc xoáy) gây thiệt hại về kinh tế, đời sống của Nhân dân, do đó, địa phương đã chủ động điều tra, thống kê, xác định khu vực sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có nguy cơ bị ảnh hưởng để có biện pháp ứng phó phù hợp, giảm thiểu thiệt hại, theo đó: địa phương đang triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân.

1.3. Cơ sở hạ tầng

a) Hệ thống giao thông

² Số liệu theo Quyết định số 2214/QĐ-UBND.

³ Số liệu theo Niên Giám thống kê tỉnh Tây Ninh năm 2020.

⁴ Số liệu theo Niên Giám thống kê tỉnh Tây Ninh năm 2020.

- Đường bộ 8.282,46 km, trong đó: hệ thống quốc lộ 4 tuyến, dài 132 km đạt tiêu chuẩn đường cấp II, III; đường địa phương dài 8.128 km (đường tỉnh 740 km, đường trục chính đô thị: dài 376 km, và 7.012 km đường giao thông nông thôn).

- Đường thủy nội địa: 197,85 km sông, gồm: sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông ở phía Tây Nam tỉnh Tây Ninh, rạch Trảng Bàng, rạch Tây Ninh, rạch Bảo, rạch Bến Đá.

- 07 bến khách ngang sông, gồm: bến Bàng Dung, bến Tăng – bến Sao, bến rạch Bờ Đắp, bến Đình, bến Cây Ôi, bến Bực Lỡ, bến Lái Mai.

b) Hệ thống công trình thủy lợi gồm: 03 hồ chứa, 10 trạm bơm, 04 đê bao, 01 đập dâng và 1.580 tuyến kênh tưới, tiêu với chiều dài 1.482,7 km phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, cấp nước sinh hoạt.

c) Hệ thống thông tin, truyền thông: 100% xã, phường, thị trấn có tuyến truyền dẫn cáp quang, cáp đồng, trạm thu phát sóng thông tin di động đang hoạt động.

d) Hệ thống điện: 268 km đường dây 110kV, 2.677 km đường dây trung áp, 4.595 km đường dây hạ áp, 5.064 trạm biến áp phân phối, 12 trạm biến áp 110KV; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện: thành thị đạt 100%, nông thôn đạt 99,57%, cả tỉnh đạt 99,71%.

đ) Hệ thống giáo dục và đào tạo⁵: toàn tỉnh có 341 trường học phổ thông (208 trường tiểu học, 101 trường trung học cơ sở, 28 trường trung học phổ thông, 03 trường phổ thông cơ sở, 01 trường trung học); 5.575 lớp học, 9.246 giáo viên.

e) Hệ thống y tế trên địa bàn tỉnh gồm⁶: 118 cơ sở khám chữa bệnh (16 bệnh viện, 08 phòng khám đa khoa, 94 trạm y tế xã, phường, thị trấn), với 3.120 giường bệnh; nhân lực y tế cơ sở 3.217 người (2.787 người làm việc trong ngành y, 430 người cán bộ ngành dược).

2. Đặc điểm và tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh

2.1. Bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)

Số lượng bão, ATNĐ trên khu vực biển Đông ảnh hưởng đến nước ta có xu hướng tương đương so với trung bình nhiều năm (trung bình nhiều năm khoảng từ 12-14 cơn, ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền khoảng từ 5-7 cơn); từ tháng 6 đến tháng 9 bão, ATNĐ tập trung ở khu vực Bắc và giữa biển Đông, có khả năng ảnh hưởng đến khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; từ tháng 9 đến tháng 11 bão, ATNĐ sẽ tập trung ở khu vực giữa và nam Biển Đông, ảnh hưởng đến khu vực từ Bắc Trung Bộ trở vào phía Nam; tuy nhiên, tỉnh Tây Ninh nằm sâu trong đất liền, có khí hậu tương đối ôn hòa, ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, ATNĐ, lũ, không xảy ra hiện tượng lũ quét, sạt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng.

2.2. Mưa lớn

⁵ Số liệu theo Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh năm 2020.

⁶ Số liệu theo Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh năm 2020.

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết, thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, hiện tượng mưa lớn thường xảy ra từ 6 đến tháng 11, xuất hiện những cơn mưa trái mùa; mưa lớn kết hợp nước thượng nguồn Campuchia đổ về gây ảnh hưởng ngập lụt cục bộ một số xã thuộc các huyện: Châu Thành, Tân Biên, Bến Cầu, Tân Châu ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt của người dân⁷.

2.3. Lốc, sét

- Lốc thường xảy ra trong mùa mưa, kèm theo mưa, ít khi xuất hiện độc lập, trong thời gian qua giông lốc cũng đã gây thiệt hại cho người dân, chủ yếu là thiệt hại nhà ở, cây công nghiệp lâu năm; hàng năm tỉnh Tây Ninh thường chịu ảnh hưởng của các đợt lốc xoáy xảy ra trên địa bàn⁸.

- Sét thường xuất hiện trong mùa mưa và nhiều nhất vào thời kỳ chuyển mùa. Trên địa bàn tỉnh, sét thường bắt đầu diễn ra từ tháng 05 đến tháng 11 hàng năm. Số vụ thiệt hại do sét gây ra trên địa bàn tỉnh tuy không nhiều, nhưng phần lớn các vụ việc sét đều có ảnh hưởng và gây thiệt hại về người, do sét xảy ra bất thường, khó dự báo trước nên người dân chưa chủ động được trong việc phòng tránh thiệt hại do sét gây ra.

2.4. Nắng nóng, hạn hán

- Trên địa bàn tỉnh, hiện tượng nắng nóng xuất hiện từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, ảnh hưởng do nắng nóng, hạn trên địa bàn tỉnh không lớn, chủ yếu gây khó khăn về nước sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân. Tuy nhiên, trong thời gian qua chính quyền địa phương, Nhân dân đã chủ động thực hiện một số biện pháp ứng phó với nắng nóng, hạn, thiếu nước, cụ thể: đầu tư công trình cấp nước tập trung, hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 -2020; đầu tư dự án Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông (giai đoạn 1) và các trạm bơm điện nhằm đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân.

3. Đánh giá rủi ro thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

3.1. Đánh giá rủi ro thiên tai

Rủi ro thiên tai được phân thành 5 cấp (từ cấp 1 đến cấp 5) tại Phụ lục XII kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai, cụ thể:

⁷Tháng 11/2018, cơn bão số 9 không đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh Tây Ninh, tuy nhiên, do ảnh hưởng bão gây đợt mưa to đến rất to; tổng lượng mưa từ 14 giờ ngày 25/11/2018 đến 10 giờ ngày 26/11/2018 phổ biến từ 150 – trên 300 mm gây ngập cục bộ trên diện rộng, thiệt hại cây trồng bị thiệt hại 12.727 ha/7.754 hộ/52 xã; giá trị thiệt hại: 190 tỷ đồng.

⁸Lốc xoáy xảy ra tháng 5/2021 xảy ra tại 42 xã/07 huyện làm: 01 người chết, 02 người bị thương, 316 căn nhà bị sập và tốc mái, 151 ha cây trồng bị ảnh hưởng, giá trị thiệt hại: 25,42 tỷ đồng.

a) Cấp độ rủi ro thiên tai do bão, ATNĐ: theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg; bão, ATNĐ có 3 cấp (cấp 3 đến cấp 5), tuy nhiên trên địa bàn tỉnh chưa bị ảnh hưởng trực tiếp của bão, ATNĐ gây ra, chủ yếu ảnh hưởng gián tiếp của bão, ATNĐ là mưa lớn xuất hiện trên địa bàn, do đó rất khó khăn trong việc xác định rủi ro thiên tai do bão, ATNĐ gây ra.

b) Cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn: mùa mưa bắt đầu khoảng tháng 4 và kết thúc vào tháng 11. Lượng mưa lớn nhất tại thành phố Tây Ninh là 121,3 mm, thị trấn Tân Châu là 81,3 mm (từ ngày 29/7/2020 đến ngày 03/8/2020) và theo Điều 44 của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg xác định mưa lớn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có khả năng ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

c) Cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét: trong những năm gần đây lốc, sét được cảnh báo xuất hiện cùng mưa lớn. Tuy nhiên, thực tế các trường hợp lốc, sét chỉ xuất hiện phạm vi hẹp, dưới 1/2 số huyện, xã trên địa bàn tỉnh và theo Điều 52 của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg, xác định lốc, sét trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có khả năng cao nhất ở cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

d) Cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng, hạn: ảnh hưởng do nắng nóng, hạn trên địa bàn tỉnh không lớn, theo thống kê, chưa có thiệt hại do nắng nóng, hạn gây ra và theo Điều 47, Điều 48 của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg, xác định nắng nóng, hạn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chưa có cấp độ rủi ro thiên tai.

3.2. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai theo phương châm “bốn tại chỗ”

a) Chỉ huy tại chỗ

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 đến Điều 11 của Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn/Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (Ban Chỉ huy) để tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân chỉ đạo điều hành công tác phòng, chống thiên tai (PCTT); Ban Chỉ huy các cấp được củng cố, kiện toàn, đáp ứng toàn diện công tác chỉ huy, chỉ đạo ứng phó với mọi tình huống thiên tai. Ban Chỉ huy các cấp được tham gia các lớp tập huấn, tiếp cận với các quy định mới liên quan về công tác PCTT; các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và tình hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh.

b) Lực lượng cứu nạn, cứu hộ: chủ yếu sử dụng lực lượng vũ trang (quân sự, công an, biên phòng) là lực lượng nòng cốt trong công tác tìm kiếm cứu nạn (TKCN); lực lượng xung kích PCTT tại cấp xã ứng phó giờ đầu khi có thiên tai; lực lượng cứu nạn, cứu hộ phải được đào tạo nâng cao trình độ, năng lực ứng phó thiên tai, cứu nạn, cứu hộ và đảm bảo trang cấp đầy đủ phương tiện, trang thiết bị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ; thực hiện hiệp đồng lực lượng các ngành, đoàn thanh niên, tình nguyện viên và Nhân dân tại địa phương tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn. Bên cạnh đó, Ban Chỉ huy cấp tỉnh chủ động rà soát, dự kiến lực

lượng có thể huy động để ứng phó khi có thiên tai xảy ra khoảng 17.727 người (chưa tính lực lượng đơn vị vũ trang như: công an, quân sự, bộ đội biên phòng).

c) Vật tư, phương tiện, trang thiết bị (ca nô, xuồng, nhà bạt, phao tròn cứu sinh, phao áo cứu sinh,...): sử dụng chủ yếu từ nguồn Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN cấp, nguồn tự mua sắm; ngoài ra, sử dụng phương tiện, trang thiết bị hiệp đồng với các đơn vị liên quan và Nhân dân để huy động kịp thời khi cần thiết; công tác quản lý, sử dụng phương tiện, trang thiết bị theo quy định (tổ chức đăng kiểm, kiểm định, khấu hao tài sản, bảo dưỡng, ...); đa số phương tiện, trang thiết bị được giao đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn quản lý, sử dụng và cơ bản đáp ứng nhu cầu thực hiện công tác TKCN tại địa phương.

d) Hậu cần tại chỗ: đảm bảo nguồn kinh phí, vật tư sửa chữa bảo vệ công trình PCTT; nhu yếu phẩm thiết yếu và kinh phí khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHƯƠNG CHÂM, PHẠM VI ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Công tác ứng phó thiên tai nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại, đặc biệt là người, tài sản và các công trình quan trọng; di dời, sơ tán người dân ở khu vực xung yếu, có nguy cơ cao đến nơi kiên cố, an toàn, nhất là đối với đối tượng dễ bị tổn thương.

1.2. Yêu cầu

a) Các cấp, ngành quán triệt, thực hiện nghiêm túc phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc “phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”.

b) Đảm bảo an toàn về người, tài sản của Nhân dân, chủ động sơ tán người dân ra khỏi vùng nguy hiểm, vùng rủi ro thiên tai.

c) Bảo vệ các công trình trọng điểm, liên quan đến an ninh quốc gia, đập, hồ chứa nước, các công trình giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động thông suốt.

d) Nhân dân chủ động theo dõi diễn biến các bản tin thiên tai, tiếp cận với một số biện pháp phòng tránh, ứng phó có khả năng xảy ra trên địa bàn; chấp hành nghiêm các mệnh lệnh, hướng dẫn, cảnh báo của chính quyền, cơ quan chức năng.

2. Phương châm ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

2.1. Chỉ huy tại chỗ

a) Đối với chính quyền địa phương:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp

thời ngay khi thiên tai xảy ra đối với rủi ro thiên tai cấp độ 1 trong phạm vi quản lý.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ triển khai các biện pháp ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1 trong phạm vi từ 02 xã trở lên hoặc khi được yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để kịp thời, phù hợp với diễn biến rủi ro thiên tai cấp độ 2.

- Trường hợp rủi ro thiên tai cấp độ 3, cấp độ 4 và trường hợp khẩn cấp về thiên tai: công tác chỉ huy thực hiện theo quy định tại Điều 7 đến Điều 11 của Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh: phân công trách nhiệm cho người có thẩm quyền chỉ đạo, chỉ huy ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

c) Đối với hộ gia đình: chủ động phân công các thành viên trong gia đình; trường hợp cần di dời, sơ tán khẩn cấp phải nhận biết các tuyến đường, bằng phương tiện di chuyển đến đâu; tuân thủ theo các hướng dẫn của chính quyền địa phương, hỗ trợ những người xung quanh (nếu có).

2.2. Lực lượng tại chỗ

a) Đối với chính quyền địa phương

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp huy động lực lượng (quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên,...) để tham gia ứng phó thiên tai; sử dụng lực lượng xung kích PCTT để ứng cứu, hỗ trợ là nhanh nhất, hiệu quả nhất; lực lượng xung kích PCTT trực tiếp nhận lệnh từ người chỉ huy.

- Lực lượng tại chỗ thực hiện nhiệm vụ ứng phó khẩn cấp: tham gia di dời, sơ tán dân đến nơi trú ẩn an toàn; hỗ trợ Nhân dân chằng, chống nhà cửa, thu hoạch nông sản, thủy sản; hỗ trợ đưa người bị thương đến các cơ sở y tế; ứng cứu khẩn cấp các công trình PCTT, khắc phục hậu quả thiệt hại.

- Vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh: cử lực lượng tham gia (đội ứng phó, thanh niên, y tế ...) để chủ động hỗ trợ ứng phó kịp thời.

c) Đối với hộ gia đình: lực lượng tại chỗ là những lao động chính, có sức khỏe, nhanh nhẹn đủ sức tham gia các hoạt động ứng phó thiên tai, bảo vệ gia đình và sẵn sàng hỗ trợ chính quyền địa phương khi được huy động.

2.3. Phương tiện, vật tư tại chỗ

a) Đối với chính quyền địa phương

Chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư sẵn có để phục vụ công tác PCTT,

đảm bảo ứng cứu nhanh, kịp thời. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương phải có phương án huy động phương tiện, vật tư, trang thiết bị của doanh nghiệp, Nhân dân phục vụ cho công tác ứng phó thiên tai.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh: đảm bảo trang thiết bị để di dời, kê cao thiết bị, vật tư, hàng hóa, hóa chất, vật dụng... bảo vệ tài sản.

c) Đối với hộ gia đình

Mỗi hộ gia đình phải chủ động chuẩn bị các phương tiện, vật tư của gia đình (xe máy, xuồng, áo phao, dây,...) để tự chằng chống nhà hoặc tự sơ tán, di dời,...

2.4. Hậu cần tại chỗ

a) Đối với chính quyền địa phương

Đảm bảo nguồn kinh phí, vật tư để sửa chữa bảo vệ hạ tầng các công trình; cung cấp thực phẩm thiết yếu,... cấp phát cho người dân, ưu tiên đối tượng bị tổn thương, theo nguyên tắc là cơ bản đáp ứng các yêu cầu phục vụ tại chỗ trong lúc khẩn cấp trước khi có sự hỗ trợ cứu trợ từ bên ngoài.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và hộ gia đình: chuẩn bị đầy đủ các nhu yếu phẩm thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thuốc, nước uống,...theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, đảm bảo đủ dùng cho gia đình mình càng dài ngày càng tốt trước khi có sự cứu trợ.

3. Đối tượng, phạm vi tác động theo cấp độ rủi ro thiên tai

3.1. Về người

Đối tượng dễ bị tổn thương gồm: trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo, hộ cận nghèo,...; người dân sinh sống ở vùng trũng thấp, hạn chế trong việc tiếp cận thông tin, cũng như nhận biết các dấu hiệu, biện pháp xử lý khi xảy ra thiên tai; một bộ phận khác chưa thực hiện đúng hướng dẫn, khuyến cáo của chính quyền địa phương, di dời đến nơi an toàn khi có thông báo bão, ATNĐ đổ bộ vào địa bàn tỉnh.

3.2. Về cơ sở hạ tầng

a) Các công trình PCTT (hồ, đập, công trình chống ngập, hạn) từng bước được đầu tư, sửa chữa đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất, chống hạn, thiết yếu nước, hạn chế được việc ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Hệ thống kênh tiêu trực phải được nạo vét kịp thời trước khi xảy ra mưa lớn; đập, hồ chứa nước cũng là mối nguy hiểm đối với Nhân dân vùng hạ du nếu xảy ra sự cố về công trình.

b) Mạng lưới dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, về cơ bản đáp ứng công tác dự báo, cảnh báo trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, kinh phí bảo dưỡng mạng lưới khí tượng thủy văn còn hạn chế, các trạm có dấu hiệu xuống cấp; cần bổ sung đầu tư trạm dự báo sét, cảnh báo ngập lụt.

3.3. Về sản xuất

Mưa lớn, mưa lớn kết hợp nước từ Campuchia tràn về gây ngập cục bộ diện

tích cây trồng, mưa kèm theo lốc làm gãy đổ cây công nghiệp, cây ăn quả, gây thiệt hại đến thu nhập của Nhân dân.

3.4. Vệ sinh môi trường, dịch bệnh

Sau khi xảy ra thiên tai sẽ tác động xấu đến môi trường, thiếu nguồn nước sạch sinh hoạt, phát sinh dịch bệnh trên người, vật nuôi, đặc biệt là tại các vùng trũng thấp, điều kiện y tế còn khó khăn.

III. NỘI DUNG ỨNG PHÓ VỚI BÃO, ATNĐ

1. Kịch bản ứng phó bão, ATNĐ

1.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó bão, ATNĐ

a) Tin bão, ATNĐ gần biển Đông di chuyển nhanh, có khả năng gây nguy hiểm cho các hoạt động trên biển Đông.

b) Tin bão, ATNĐ trên biển Đông.

c) Tin bão, ATNĐ gần bờ.

d) Tin bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền.

1.2. Các kịch bản ứng phó bão, ATNĐ

Theo tình hình thực tế ảnh hưởng của bão, ATNĐ diễn ra trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các kịch bản ứng phó bão, ATNĐ như sau:

a) Kịch bản 1: bão, ATNĐ trên biển Đông.

b) Kịch bản 2: bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền của tỉnh với rủi ro thiên tai cấp độ 3.

2. Nội dung ứng phó kịch bản 1: bão, ATNĐ trên biển Đông

2.1. Vị trí tâm bão, ATNĐ trên biển Đông

a) Cơ quan làm nhiệm vụ PCTT: tổ chức công tác trực ban theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, ATNĐ và các chỉ đạo, thông tin từ Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tây Ninh, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: triển khai các bản tin dự báo, cảnh báo đến Nhân dân biết về tin bão, hướng di chuyển và những vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về loại hình thiên tai này.

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân: thường xuyên theo dõi thông tin bão, ATNĐ trên biển Đông để có phương án ứng phó.

2.2. Vị trí tâm bão, ATNĐ gần bờ

a) Tiếp tục trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, ATNĐ, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Tây Ninh, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức rà soát, sẵn sàng triển khai một số nhiệm vụ để chuẩn

bị ứng phó bão, ATNĐ gần bờ gây mưa lớn, gió mạnh, lốc xoáy có khả năng ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện, hướng dẫn, khuyến cáo người dân chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa trong từng hoạt động sản xuất như: kiểm tra, thống kê đánh giá vùng sản xuất, vùng chăn nuôi nằm trong vùng dự kiến bị ảnh hưởng.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh theo nhiệm vụ được giao rà soát, sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia cứu nạn, cứu hộ và đảm bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các công trình trọng điểm, tài sản của Nhân dân, Nhà nước.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: kiểm tra, xác định lại số hộ có nguy cơ bị ảnh hưởng, di dời (nếu có); triển khai biện pháp bảo vệ sản xuất nông nghiệp, công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng; sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để ứng cứu theo phương châm “bốn tại chỗ”.

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân: thường xuyên theo dõi thông tin bão, ATNĐ trên biển Đông để chủ động ứng phó; chủ động gia cố, chằng chống nhà cửa, trụ sở để đảm bảo an toàn.

3. Nội dung ứng phó kịch bản 2: bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền của tỉnh với rủi ro thiên tai cấp độ 3

3.1. Công tác triển khai thực hiện trong thời gian 24-48 giờ trước khi bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền

a) Ban Chỉ huy các cấp; các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

Tổ chức trực ban 24/24 giờ để nắm chắc diễn biến tình hình, dự kiến các tình huống có thể xảy ra; bố trí cán bộ trực tiếp đến các địa bàn có khả năng bị ảnh hưởng, nơi xung yếu cùng với cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo công tác ứng phó kịp thời và có hiệu quả; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng tại chỗ và phối hợp cùng lực lượng chi viện của cấp trên để tham gia khắc phục hậu quả.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Xác định các khu vực trọng điểm có khả năng bị ảnh hưởng khi bão, ATNĐ đi qua để kịp thời xử lý, ứng phó.

- Chỉ đạo đảm bảo an toàn công trình trọng điểm, công trình PCTT, nhà cửa, cơ sở hạ tầng; hướng dẫn, kiểm tra việc chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây, thu hoạch mùa vụ.

- Rà soát, xác định các khu vực bị ảnh hưởng; xác định các hộ cần phải sơ tán (số hộ/số nhân khẩu), chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương (người già, trẻ em, người khuyết tật,...), đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân, cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nước sạch, ánh sáng, thuốc chữa bệnh tại nơi tạm cư.

- Chỉ đạo huy động lực lượng, kiểm tra phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PCTT và TKCN sẵn sàng ứng cứu khi xảy ra các tình huống xấu như sập nhà, sập công trình, huy động và phân công lực lượng trợ giúp người dân chằng chống nhà cửa trước bão, ATNĐ.

- Chỉ đạo các bệnh viện, trạm y tế huy động lực lượng y, bác sỹ tại chỗ, phương tiện, thiết bị, thuốc men để sơ cấp cứu, chữa bệnh cho người bị nạn kịp thời.

c) Các Sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh

- Ban Chỉ huy cấp tỉnh: tổ chức họp triển khai biện pháp ứng phó; phân công các Đoàn kiểm tra, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tổ chức sơ tán, di dời dân kịp thời, an toàn; chỉ đạo công tác phòng, chống, ứng phó với bão, ATNĐ.

- Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tây Ninh: dự báo, cung cấp thông tin, diễn biến, hướng di chuyển của bão, cụ thể phạm vi ảnh hưởng giúp Ban Chỉ huy cấp tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình, báo Tây Ninh thông tin, đưa tin kịp thời diễn biến của bão, ATNĐ.

- Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Tây Ninh: thông tin kịp thời về diễn biến của bão, ATNĐ, văn bản chỉ đạo của Trung ương và địa phương, để tổ chức, Nhân dân biết và chủ động phòng, tránh, ứng phó.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện trang thiết bị PCTT và TKCN; phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan để tham gia sơ tán, di dời dân, TKCN.

- Công an tỉnh: có kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội tại nơi xảy ra thiên tai, công trình trọng điểm, tài sản của Nhà nước, Nhân dân và doanh nghiệp, ngăn chặn các đối tượng lợi dụng khi bão, ATNĐ xảy ra để trộm, cướp giật tài sản.

- Sở Giao thông vận tải: đảm bảo giao thông thông suốt tại các tuyến đường, bố trí lực lượng hướng dẫn điều tiết giao thông tại các bến phà trong thời gian bão, ATNĐ theo cảnh báo của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện: kiểm tra các trường học, cơ sở dạy nghề để ứng cứu kịp thời bảo đảm an toàn tuyệt đối cho học sinh, giáo viên và tài sản của cơ sở đào tạo; trong trường hợp khẩn cấp quyết định cho học sinh nghỉ học.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kiểm tra, khuyến cáo nông dân thu hoạch nông sản; có biện pháp bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

- Sở Xây dựng: hướng dẫn, kiểm tra công tác bảo đảm an toàn tại các nhà ở, xưởng, công trình, công trường đang thi công trước khi xảy ra bão, ATNĐ.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: kiểm tra, thông báo, yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pa nô, biển quảng cáo... đúng kỹ thuật, đồng thời tháo dỡ các bảng quảng cáo không đảm bảo để phòng gió bão gây sự cố, tai nạn. Thông báo, khuyến cáo các đơn vị kinh doanh du lịch không tổ chức đưa khách du lịch đến địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông: thông báo, phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông bảo đảm thông tin với ưu tiên cao nhất, an toàn, tin cậy và nhanh chóng; tổ chức quản lý, điều hành thông tin liên lạc tập trung, thống nhất và trực tiếp; khai thác, sử dụng mạng viễn thông chuyên dùng cho PCTT đúng mục đích và hiệu quả.

- Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ tỉnh: huy động lực lượng y, bác sỹ chuẩn bị phương tiện, vật tư, thiết bị cần thiết để đáp ứng nhu cầu cứu thương và phòng dịch kịp thời cho Nhân dân.

- Sở Công Thương: tăng cường giám sát, theo dõi, phối hợp với các Sở ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thúc đẩy, hỗ trợ việc lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp tham gia bình ổn, chợ, siêu thị thông suốt đảm bảo cung cấp đủ hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu... phục vụ đến cho nhân dân; phối hợp với Cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh kiểm tra xử lý tình trạng lợi dụng bão, ANTĐ đầu cơ tăng giá.

- Công ty Điện lực Tây Ninh: đảm bảo an toàn điện lưới, khắc phục nhanh các sự cố về điện, đảm bảo nguồn điện liên tục, phục vụ cho cơ quan, đơn vị chỉ đạo, cảnh báo, dự báo, thông tin liên lạc.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa, Tây Ninh: tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đập, hồ chứa nước, hệ thống thủy lợi, kênh tiêu,..., lập kế hoạch sửa chữa kịp thời công trình.

d) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân: kiểm tra, bảo vệ tài sản, thu hoạch sản xuất; chủ động sơ tán đến nơi an toàn; chuẩn bị các nhu yếu phẩm thiết yếu cần thiết.

3.2. Tổ chức di dời, sơ tán dân khi bão, ANTĐ sắp đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh

a) Ban Chỉ huy cấp huyện, cấp xã: tổ chức di dời dân tại các khu vực xung yếu và phải hoàn thành trước 12 giờ so với thời điểm dự báo bão, ANTĐ sẽ đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh; phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy cấp huyện, cấp xã trực tiếp xuống địa bàn kiểm tra công tác di dời, sơ tán dân, kiên quyết không cho người dân ở lại khu vực nguy hiểm khi bão đổ bộ.

c) Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh: phối hợp với Ban Chỉ huy cấp huyện tham mưu Trưởng ban Chỉ huy cấp tỉnh huy động lực lượng vũ trang (quân sự, công an, biên phòng), các ngành, phương tiện để giúp di dời, sơ tán dân kịp thời, an toàn.

d) Công an tỉnh: bố trí lực lượng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, hậu cần, chăm lo đời sống cho người dân... tại nơi tạm cư và bảo vệ công trình, tài sản, nhà ở của Nhân dân tại những nơi đã di dời.

đ) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân: chấp hành mệnh lệnh của chính quyền địa phương sơ tán, di dời đến nơi an toàn; thông tin chính xác vị trí, tình trạng nguy hiểm khi cần hỗ trợ cứu nạn, cứu hộ.

3.3. Công tác triển khai thực hiện trong thời gian bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền

a) Thực hiện cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất: thực hiện theo tiết a điểm 2.1 khoản 2 Phần II Phương án này.

b) Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đảm bảo chế độ trực ban, thông tin, báo cáo diễn biến, ảnh hưởng, thiệt hại do bão, ATNĐ gây ra để cấp trên kịp thời chỉ đạo và có phương án xử lý phù hợp.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: triển khai kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện hiện có trên địa bàn, tổ chức sơ tán, cứu hộ cứu nạn dân trong vùng bị ảnh hưởng tới địa điểm an toàn.

d) Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh: phát tin cảnh báo để Nhân dân không được ra khỏi nhà để tránh thương vong trong thời gian bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền cũng như khi mắt bão đi qua (lúc trời đột ngột lặng gió).

đ) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân: chấp hành mệnh lệnh của chính quyền địa phương; ở trong nhà, nơi trú ẩn an toàn, không nên đi ra ngoài đường; thông tin chính xác vị trí, tình trạng nguy hiểm khi cần hỗ trợ cứu nạn, cứu hộ.

3.4. Công tác triển khai thực hiện sau khi bão, ATNĐ kết thúc

a) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đoàn thể tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện:

- Tổ chức đưa người dân sơ tán, di dời trước bão, ANTĐ về nơi ở an toàn, trật tự.

- Cứu trợ hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu, chăm sóc y tế, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, đời sống cho Nhân dân.

- Sửa chữa trường học, bệnh viện, công trình bị hư hỏng; đảm bảo giao thông, nước sạch, điện, viễn thông thông suốt; tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường, phòng dịch tại vùng bị ảnh hưởng của bão, ATNĐ,

- Tổ chức lực lượng tình nguyện giúp Nhân dân khắc phục hậu quả, sửa chữa nhà, bảo vệ trật tự, tài sản của Nhân dân, doanh nghiệp, Nhà nước trong vùng bị ảnh hưởng của bão, ATNĐ.

- Điều tra thống kê, đánh giá thiệt hại theo quy định.

b) Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ tỉnh: điều động lực lượng y, bác sĩ, các đội cấp cứu, phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cho bệnh viện, trạm y tế để cứu thương, điều trị bệnh nhân, phòng dịch kịp thời.

c) Công ty Điện lực Tây Ninh: đảm bảo an toàn mạng lưới điện, huy động lực lượng và các phương tiện, thiết bị để khắc phục sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng trong thời gian sớm nhất.

d) Sở Công Thương: phối hợp với Cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác trái quy định của pháp luật nhất là lương thực, thực phẩm thiết yếu, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng.

đ) Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đoàn thể tỉnh: phối hợp cùng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc điều trị bệnh, thực hiện chính sách, chế độ trợ giúp đột xuất theo quy định.

e) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân: kiểm tra lại nhà ở, các thiết bị trước khi sử dụng; thống kê thiệt hại, báo cáo kịp thời, chính xác với chính quyền địa phương.

IV. NỘI DUNG ỨNG PHÓ VỚI MƯA LỚN

1. Kịch bản ứng phó mưa lớn

1.1. Xác định thời điểm ứng phó

Khi có dự báo lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ, kéo dài từ 01 đến 02 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã của tỉnh và khi có bản tin cảnh báo lốc, sét xảy ra trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã của tỉnh và kèm theo cảnh báo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn kèm theo lốc, sét là cấp 1.

1.2. Các kịch bản ứng phó mưa lớn

Căn cứ tình hình thực tế ảnh hưởng của mưa lớn đã diễn ra trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các kịch bản ứng phó mưa lớn như sau:

a) Kịch bản 1: mưa lớn gây ngập lụt.

c) Kịch bản 2: mưa lớn kèm theo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

2. Nội dung ứng phó kịch bản 1: mưa lớn gây ngập lụt

2.1. Giai đoạn trước mùa mưa

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chỉ đạo các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, lập kế hoạch sửa chữa kịp thời; đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo thực hiện đúng các biện pháp thi công đã được phê duyệt.

b) Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hoà: thường

xuyên kiểm tra hệ thống công trình thủy lợi (hồ nước Dầu Tiếng, hệ thống kênh chính Đông, chính Tây,...), khẩn trương nạo vét, duy tu, sửa chữa các công trình bị xuống cấp.

c) Các Sở, ban, ngành tỉnh

- Theo chức năng nhiệm vụ được giao tiến hành kiểm tra, có kế hoạch sửa chữa, khuyến cáo các đơn vị, chủ sở hữu sửa chữa, nâng cấp, gia cố an toàn công trình; đồng thời, rà soát, bổ sung phương án PCTT và TKCN tại cơ quan, đơn vị mình.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư tại cơ quan, đơn vị mình để bảo vệ trụ sở cơ quan; tham gia công tác PCTT và TKCN khi xảy ra ngập lụt hoặc chấp hành lệnh điều động của Trưởng Ban Chỉ huy cấp tỉnh.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình; tổ chức nạo vét, khai thông hệ thống kênh, mương, cống tiêu thoát nước.

- Tại những vùng xung yếu, vùng thấp trũng có khả năng bị ngập phải chủ động kiểm tra rà soát, cập nhật kịp thời số hộ dân phải sơ tán, di dời; địa điểm di dời, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của người dân; chuẩn bị thực phẩm thiết yếu, thuốc điều trị bệnh.

đ) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân

- Chủ động triển khai các biện pháp phù hợp để phòng chống, ứng phó mưa lớn tại đơn vị mình nhằm hạn chế thiệt hại do mưa lớn gây ra.

- Các hộ gia đình ở vùng có nguy cơ ngập do mưa lớn, chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nước sạch, thuốc chữa bệnh; cung cấp thông tin về tình trạng ngập úng tại khu vực sinh sống cho cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để ứng cứu kịp thời; thường xuyên theo dõi tình hình dự báo, cảnh báo, hướng dẫn của cơ quan chức năng để tự thực hiện các biện pháp phòng, tránh, không đi vào khu vực ngập sâu, nguy hiểm; kiểm tra an toàn các thiết bị điện, hàng hóa, vật tư; sắp xếp tài sản ở những nơi cao ráo; khẩn trương thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, bảo vệ vật nuôi, gia súc, gia cầm; chấp hành sơ tán, di dời của chính quyền địa phương đến nơi an toàn, không bị ngập úng.

2.2. Giai đoạn chuẩn bị khi có thông báo mưa lớn có khả năng ngập lụt

a) Các cơ quan, đơn vị thường xuyên theo dõi chặt chẽ, kịp thời tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn, thông báo kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn có khả năng gây ngập lụt chủ động tham mưu triển khai biện pháp ứng phó.

b) Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tây Ninh: kịp thời cập nhật và thông tin đầy đủ các bản tin dự báo, cảnh báo về tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn cùng những nội dung khuyến cáo, hướng dẫn của cơ quan chức năng về các biện pháp phòng, chống để các cơ quan, đơn vị, Nhân dân biết và chủ động thực hiện.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo: khảo sát tình hình ngập lụt, chia cắt để thông báo cho học sinh nghỉ học kịp thời, đồng thời bảo vệ tài sản, cơ sở vật chất của trường để hạn chế thiệt hại.

d) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để hỗ trợ địa phương sơ tán, di dời dân đến nơi an toàn và tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn khi có yêu cầu hỗ trợ của địa phương.

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: quán triệt thực hiện ứng phó ngập lụt theo phương châm “bốn tại chỗ”, tổ chức kiểm tra thực địa các vùng thường xuyên bị ngập lụt để đưa ra các giải pháp phù hợp, cụ thể triển khai các nội dung sau:

- Thông báo kịp thời tình hình mưa lớn có khả năng gây ngập úng ảnh hưởng đến các hộ dân đang sinh sống tại các khu vực xung yếu, ven sông, rạch, vùng trũng thấp; xác định các trường hợp phải cần sơ tán, di dời đến nơi an toàn; sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm cần thiết.

- Rà soát, triển khai các biện pháp bảo vệ sản xuất nông nghiệp, các công trình trọng điểm khi có ngập lụt; các trường hợp ngập lụt xảy ra nghiêm trọng hơn khi có mưa lớn kết hợp nước từ Campuchia tràn về ảnh hưởng một số xã: Tân Đông, huyện Tân Châu và xã Phước Chỉ, thị xã Trảng Bàng,...

2.3. Giai đoạn ứng phó mưa lớn gây ngập lụt

a) Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Tổ chức trực ban 24/24 giờ để nắm chắc diễn biến tình hình mưa lớn, triển khai các Phương án ứng phó của địa phương, đơn vị mình.

- Thành viên Ban Chỉ huy Phòng cấp tỉnh trực tiếp kiểm tra địa bàn theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy cấp tỉnh, chỉ đạo triển khai công tác ứng phó ngập lụt.

b) Nhiệm vụ của sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh

- Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tây Ninh: cung cấp kịp thời, chính xác bản tin dự báo cảnh báo mưa lớn, mực nước trên sông, rạch giúp Ban Chỉ huy các cấp chỉ đạo kịp thời.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: chủ trì phối hợp với sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều động lực lượng, phương tiện hỗ trợ công tác cứu hộ, cứu nạn do ngập lụt gây ra.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: tổ chức lực lượng cứu hộ, cứu nạn khu vực các xã biên giới; sẵn sàng lực lượng, trang thiết bị để huy động khi có yêu cầu hỗ trợ.

- Công an tỉnh: có kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội tại nơi xảy ra thiên tai, các công trình trọng điểm, tài sản của Nhà nước, Nhân dân và doanh

nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng khi bão xảy ra để trộm cắp, cướp giật khi xảy ra ngập lụt.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hỗ trợ, bảo vệ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; chỉ đạo Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình ngập lụt xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tây Ninh:

- + Thông báo, phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông bảo đảm thông tin với ưu tiên cao nhất, an toàn, tin cậy và nhanh chóng; tổ chức quản lý điều hành thông tin liên lạc tập trung, thống nhất và trực tiếp; khai thác, sử dụng mạng viễn thông chuyên dùng cho PCTT đúng mục đích và hiệu quả.

- + Tăng cường thực hiện công tác truyền tin, thông báo chính xác, kịp thời các thông tin dự báo, cảnh báo về thời tiết, thiên tai; các chủ trương, chỉ thị về phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của Trung ương và tỉnh; các kinh nghiệm điển hình trong công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả ngập lụt.

- Sở Giao thông vận tải: tổ chức kiểm tra lại các tuyến đường giao thông trọng điểm, phát hiện kịp thời đoạn đường có nguy cơ mất an toàn kịp thời duy tu, sửa chữa đảm bảo giao thông thông suốt trong thời gian xảy ra bão, ATNĐ xảy ra; chủ động triển khai lực lượng phân luồng, điều phối, hướng dẫn giao thông; cấm biển báo tại các khu vực, tuyến đường nguy hiểm, bị ngập sâu để người dân biết và hạn chế đi lại.

- Sở Xây dựng: hướng dẫn, kiểm tra công tác xử lý đảm bảo an toàn công trình, nhà ở, nhất là những công trình cũ, xuống cấp có dấu hiệu nứt, lún, nghiêng do bị ngập.

- Sở Công Thương: thực hiện điều tiết việc cung ứng hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu cho Nhân dân vùng ngập sâu. Ngoài ra, đề nghị các doanh nghiệp, siêu thị, tổ chức, cá nhân kinh doanh tham gia bình ổn thị trường tổ chức bán hàng bằng nhiều hình thức linh động thích ứng với từng trường hợp cụ thể tại các vùng ngập sâu, chia cắt để phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu hàng ngày của người dân.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: kiểm tra, xử lý bảo đảm an toàn, không để phát tán nguồn ô nhiễm môi trường do ngập lụt gây ra.

- Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ: huy động lực lượng y, bác sĩ, phương tiện, thiết bị, cơ sở thuốc cần thiết để cứu thương, tiêu độc khử trùng, phòng dịch, không để lây lan dịch bệnh từ nguồn nước ngập, tù đọng trong khu dân cư.

- Công ty Điện lực Tây Ninh: kiểm tra tất cả các trụ điện cao, trung và hạ thế, hành lang an toàn lưới điện, đặc biệt lưu ý đến khu vực ven sông, vùng trũng thấp nơi bị ngập sâu kịp thời cắt điện; bảo vệ hệ thống truyền tải, thiết bị điện, trạm biến thế, hướng dẫn việc sử dụng điện an toàn trong tình trạng ngập nước,

đồng thời xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng, bố trí máy phát điện dự phòng để đảm bảo điện sinh hoạt cho khu vực bị ảnh hưởng.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Chủ động phối hợp với lực lượng chi viện, hỗ trợ của cấp trên và huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ tổ chức cứu nạn, cứu hộ, sơ tán, di dời dân ở các khu vực ngập sâu, bị chia cắt đến nơi an toàn đã được xác định, đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, ánh sáng, thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, phòng dịch, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

- Chỉ đạo các bệnh viện tuyến huyện, trạm y tế cấp xã huy động lực lượng y, bác sỹ tại chỗ, phương tiện, thiết bị, thuốc men để sơ cấp cứu, chữa bệnh cho Nhân dân.

d) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân

- Chấp hành theo biển báo nguy hiểm hoặc hướng dẫn của những người có trách nhiệm; ngắt thiết bị điện; không tiếp xúc với nguồn điện khi đang ướt hoặc đang đứng dưới nước.

- Thường xuyên theo dõi thông tin, hướng dẫn của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trên phương tiện truyền thông; cung cấp kịp thời tình trạng ngập lụt tại khu vực sinh sống cho các cơ quan chức năng, báo, đài, chính quyền địa phương để được trợ giúp, ứng cứu kịp thời.

2.4. Giai đoạn khắc phục

a) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn thể tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các công việc sau:

- Đưa người dân sơ tán, di dời về nơi ở cũ an toàn, trật tự; huy động lực lượng trực tiếp hỗ trợ người dân sửa chữa nhà bị hư hỏng; tổ chức cứu trợ giúp hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước sạch nhằm đảm bảo điều kiện sinh hoạt, đời sống cho Nhân dân.

- Tiêu độc, khử trùng làm sạch môi trường, phòng dịch không để dịch bệnh bùng phát, lây lan.

- Sửa chữa, phục hồi cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin liên lạc; trạm biến thế, đường dây tải điện bị; hệ thống công trình thủy lợi (kênh mương, hồ chứa) có kế hoạch gia cố, sửa chữa các bộ phận bị hư hỏng.

- Tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, hỗ trợ kịp thời cho người dân theo quy định.

- Tổ chức kêu gọi vận động mạnh thường quân hỗ trợ kinh phí, lương thực, thực phẩm cứu trợ, giúp đỡ cho người dân trong vùng thiên tai.

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân: chủ động báo cáo thiệt hại, cùng chính quyền địa phương khắc phục thiệt hại để khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống.

3. Nội dung ứng phó kịch bản 2: mưa lớn kèm theo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1

3.1. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao, triển khai công tác ứng phó ngập lụt theo mục 2 phần IV Phương án này.

3.2. Ngoài ra triển khai một số giải pháp phù hợp với thông báo lốc, sét có nguy cơ xảy ra trên địa bàn như sau:

a) Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả.

b) Thông báo kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai có khả năng xảy ra, khu vực bị ảnh hưởng để địa phương chủ động phòng, tránh an toàn cho người, vật nuôi, cây trồng, tài sản khác.

c) Thường xuyên kiểm tra, chằng chống nhà cửa để phòng giông, lốc; chặt tỉa cành, nhánh dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, độ vững chắc của các biển quảng cáo, pa-nô, áp-phích; các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công;

d) Khi có mưa kèm theo dông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà không an toàn dễ bị ngã, đồ gây tai nạn;

đ) Triển khai công tác khắc phục hậu quả, sơ cấp cứu, cứu thương, chữa trị người bị nạn do lốc, sét gây ra.

IV. NỘI DUNG ỨNG PHÓ VỚI LỐC, SÉT; NẮNG NÓNG, HẠN

1. Kịch bản ứng phó với lốc, sét

1.1. Xác định thời điểm ứng phó

Khi có bản tin dự báo lốc, sét trên địa bàn tỉnh (các bản tin dự báo trước khoảng 03 giờ khi lốc, sét có khả năng xảy ra); thời gian xảy ra lốc, sét trên địa bàn thường bắt đầu trước hoặc trong mùa mưa bão.

1.2. Các kịch bản ứng phó với lốc, sét

Căn cứ tình hình thực tế ảnh hưởng của lốc, sét đã diễn ra trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các kịch bản ứng phó lốc, sét như sau:

a) Kịch bản 1: lốc, sét xảy ra phạm vi hẹp, chưa có thiệt hại.

b) Kịch bản 2: lốc, sét xảy ra với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

2. Nội dung ứng phó với lốc, sét

2.1. Lốc, sét xảy ra phạm vi hẹp, chưa có thiệt hại

Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền hướng dẫn Nhân dân chủ động gia cố nhà cửa; chặt tỉa cây xanh xung quanh nhà để phòng gãy đổ khi có lốc xảy ra; hạn chế ra khỏi nhà khi có dông, lốc để phòng xảy ra sét gây thiệt hại về người.

2.2. Lốc, sét xảy ra với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chỉ đạo triển khai ứng phó lốc, sét xảy ra với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1 như sau:

a) Biện pháp ứng phó với lốc

- Khi đang ở trên đất liền:

+ Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức thông tin, tuyên truyền đến Nhân dân những bản tin dự báo để chủ động phòng, tránh an toàn cho người, vật nuôi, cây trồng và các tài sản khác.

+ Chằng, chống nhà ở để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc; nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi-măng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi xảy ra lốc xoáy.

+ Chặt tỉa cành, nhánh cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà không kiên cố và các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công.

+ Khi có lốc xoáy cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà không kiên cố, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm bợ dễ bị ngã đổ gây tai nạn.

- Khi đang ở trên sông, hồ chứa nước:

+ Người tham gia vận chuyển trên sông, hồ chứa nước bằng phà, thuyền phải mặc áo phao và chuẩn bị đầy đủ phao cứu sinh trên tàu, thuyền khi đang ở trên sông.

+ Khi thấy dấu hiệu xuất hiện lốc xoáy thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

b) Biện pháp ứng phó với sét

Sét là hiện tượng phóng điện trong đám mây, giữa các đám mây với nhau hoặc giữa đám mây với mặt đất; sét xảy ra kèm theo dông, lốc hoặc trước khi trời bắt đầu xảy ra mưa nên không có vị trí an toàn tuyệt đối; tuy nhiên việc chủ động phòng tránh sét là tìm nơi trú ẩn an toàn.

- Tránh sét trong nhà: khi sắp xảy ra mưa dông thì biện pháp tránh sét an toàn là ở trong nhà, cơ quan có lắp đặt hệ thống chống sét; khi ở trong nhà nên đứng xa cửa sổ, cửa ra vào, các đồ dùng bằng điện, tránh các chỗ ẩm ướt.

- Tránh sét ngoài trời: trong trường hợp không kịp tìm nơi trú ẩn an toàn, tuyệt đối không dùng cây cối làm chỗ trú mưa; đứng xa nơi chứa nước, như bãi ao, hồ, nương, đỉnh núi hay sườn núi nhô cao rất nguy hiểm.

3. Ứng phó nắng nóng, hạn

3.1. Xác định thời điểm ứng phó

Nắng nóng thường xảy ra từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, nắng nóng làm mực nước ngầm giảm, gây khó khăn trong sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân, hậu quả do nắng nóng, hạn gây ra không đáng kể (các địa phương chưa có thiệt hại về nắng nóng, hạn).

3.2. Triển khai ứng phó nắng nóng, hạn

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, nắng nóng, hạn, cảnh báo tình hình thời tiết đến địa phương; khuyến cáo, hướng dẫn người dân chủ động chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp.

- Tổ chức kiểm tra công trình thủy lợi, hồ chứa nước, các công lấy nước đảm bảo điều kiện vận hành ổn định; lập kế hoạch tích, trữ nước tại các hồ chứa nước.

b) Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi: Dầu Tiếng – Phước Hòa, Tây Ninh

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi; nạo vét hệ thống kênh mương, các cửa cống lấy nước, khơi thông dòng chảy, đảm bảo lòng kênh dẫn nước thông thoáng, quản lý phân phối nước hợp lý, tiết kiệm, hạn chế thất thoát nước.

- Trên cơ sở dự báo diễn biến thời tiết, nguồn nước, lập kế hoạch tích, trữ nước hợp lý tại các hồ chứa nước.

- Chủ động thông báo đến các địa phương, Nhân dân lịch đóng, mở nước để chủ động tích trữ nước phục vụ sản xuất.

- Khi xảy ra nguy cơ thiếu hụt nguồn nước, điều chỉnh hợp lý kế hoạch cấp nước theo thứ tự ưu tiên: nước sinh hoạt, nước uống cho gia súc, phục vụ tưới cây trồng có giá trị kinh tế cao.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu cây trồng, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có; các vùng thường xuyên thiếu nước tưới khuyến cáo Nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi

phù hợp hạn chế thiệt hại; tuyên truyền vận động Nhân dân sử dụng nước hợp lý, ứng dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Tăng cường kiểm tra, nạo vét kênh mương, cống lấy nước, khơi thông dòng chảy, đảm bảo điều kiện dẫn nước thông thoáng đến mặt ruộng.

- Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già khi xảy ra nắng nóng, hạn.

- Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cấp nước phòng, chống hạn khi cần thiết.

V. DI DỜI, SƠ TÁN NHÂN DÂN, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức di dời, sơ tán Nhân dân trong các nhà ở không kiên cố, có khả năng bị đổ, sập và những khu vực xung yếu để đảm bảo an toàn tính mạng cho Nhân dân và bảo vệ công trình có nguy cơ mất an toàn do thiên tai (chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo).

VI. LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ

1. Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị của đơn vị vũ trang làm nông cốt (quân sự, công an và biên phòng) theo Kế hoạch của từng đơn vị. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan đơn vị thuộc tỉnh và các cơ quan thuộc Quân khu, Bộ Quốc phòng theo Kế hoạch của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: số 724/KH-BCH ngày 15 tháng 3 năm 2021 về PCTT và TKCN trên địa bàn tỉnh và số 1983/KH-BCH ngày 24 tháng 7 năm 2018 về Hiệp đồng nhiệm vụ PCTT và TKCN trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chủ động huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị của địa phương để tham gia ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

3. Tùy theo cấp độ rủi ro thiên tai, tình hình diễn biến và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều động, phân công, bố trí lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia hỗ trợ cho các địa phương theo yêu cầu. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN hỗ trợ.

4. Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị huy động tham gia các hoạt động ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai theo Phụ lục IV, V.

VII. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG, ỨNG PHÓ THIÊN TAI TRONG ĐIỀU KIỆN DỊCH BỆNH COVID-19

1. Công tác chuẩn bị trước thiên tai

- Chủ động theo dõi sát tình hình, diễn biến thiên tai, dịch bệnh và vùng có mức độ nguy cơ dịch bệnh để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án, kịch bản PCTT đảm bảo phòng, chống dịch bệnh.

- Xem xét quyết định thành lập Tổ công tác, gồm đại diện cơ quan thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN, cơ quan y tế ở các cấp để hỗ trợ thực hiện các hoạt

động phòng, chống, ứng phó thiên tai, dịch bệnh; tiêm phòng và xét nghiệm các thành viên Tổ công tác, lực lượng PCTT, dịch bệnh.

- Cập nhật thường xuyên thông tin diễn biến thiên tai, dịch bệnh; hiểu rõ nhiệm vụ, cơ chế phối hợp, phương án ứng phó thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh; sử dụng đúng hướng dẫn các phương tiện, trang thiết bị, vật tư, đồ bảo hộ y tế cần thiết được trang bị để đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh khi thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức phương án di dời, sơ tán dân, kiểm tra, đảm bảo các yêu cầu, điều kiện phòng, chống dịch bệnh theo quy định trong hoạt động sơ tán dân, di tản tránh trú thiên tai an toàn.

- Bố trí, dự phòng các loại phương tiện, vật tư PCTT, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh cần thiết; lập, kiểm tra, đánh giá và báo cáo danh sách các phương tiện, vật tư PCTT, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh sẵn có hoặc cần sửa chữa, bổ sung để chủ động, sẵn sàng ứng phó trong tình huống các khu điều trị, chăm sóc và khu cách ly người nhiễm bệnh dịch bị thiệt hại bởi thiên tai.

- Chủ động dự trữ lương thực, thuốc điều trị bệnh, nước sạch, nước sinh hoạt, xăng dầu và các vật dụng cần thiết phòng, chống dịch như khẩu trang, nước rửa tay, xịt khử khuẩn,...đảm bảo đủ dùng trong khoảng thời gian tương ứng với thời gian kéo dài của những trận thiên tai đã từng xảy ra ở địa phương hoặc ít nhất phải đảm bảo trong khoảng thời gian thiên tai xảy ra mà chưa có sự cứu trợ.

- Triển khai lực lượng canh gác, hướng dẫn đảm bảo an toàn cho người, phương tiện tại những nơi nguy cơ rủi ro cao, thực hiện nguyên tắc “5K” (khẩu trang - khử khuẩn - khoảng cách - không tụ tập - khai báo y tế) và các quy định của ngành Y tế đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh.

- Tham gia hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình gia cố, chằng chống nhà ở...; đồng thời, tuyên truyền, hướng dẫn, nhắc nhở người dân thực hiện nguyên tắc “5K” và các quy định phòng, chống dịch bệnh của ngành Y tế để vừa đảm bảo tập trung phòng, chống, ứng phó thiên tai vừa đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe cho Nhân dân trong bối cảnh có dịch bệnh.

2. Công tác ứng phó khi xảy ra thiên tai

- Triển khai phương án, kịch bản đã xây dựng để điều hành, chỉ đạo, ra quyết định tại chỗ đảm bảo ứng phó theo tình hình thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo thực hiện theo phương châm “bốn tại chỗ” một cách linh hoạt, phù hợp; trường hợp có ca nghi nhiễm dịch bệnh thì tiến hành cách ly, điều tra, khoanh vùng, dập dịch theo quy định.

- Trong trường hợp phải sơ tán người dân khỏi khu vực nguy hiểm ảnh hưởng bởi thiên tai đến điểm tránh trú an toàn cần thực hiện các nội dung cơ bản trong phòng, chống dịch COVID-19 như sau:

+ Điểm tránh trú an toàn: đảm bảo khoảng cách, điều kiện vệ sinh theo quy định, bố trí khu cách ly tạm thời riêng biệt, có lối đi riêng.

+ Đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong thực hiện sơ tán người dân: bố trí cách ly theo khu vực địa lý hành chính, vùng có nguy cơ cao hoặc rất cao cần phải sơ tán: thực hiện test nhanh để tách trường hợp nghi ngờ nhiễm dịch bệnh để đưa về các khu vực cách ly riêng tại điểm tránh trú; trong quá trình sơ tán, đưa người dân đến nơi tránh trú (đeo khẩu trang, giữ khoảng cách, phân luồng người dân đến đúng vị trí được bố trí tại điểm tránh trú an toàn...).

+ Tại các điểm tránh trú an toàn cần yêu cầu người dân thực hiện nghiêm thông điệp 5K theo khuyến cáo của Bộ Y tế; tổ chức giám sát tình hình dịch bệnh, theo dõi khám sức khỏe và chuyển tuyến điều trị kịp thời cho người dân tại các điểm tránh trú an toàn trong thời gian sơ tán; khám sàng lọc các trường hợp nguy cơ cao, nghi nhiễm (ho, sốt,...) để kịp thời phát hiện và cách ly người nhiễm.

- Đảm bảo phương tiện, vật tư, trang thiết bị luôn sẵn sàng để sử dụng và huy động kịp thời theo phương án ứng phó, đặc biệt phát sinh tình huống khẩn cấp. Huy động, linh hoạt sử dụng các phương tiện, vật tư PCTT, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh theo kế hoạch tại địa phương.

- Phân bổ, hỗ trợ lương thực, thuốc men, nước uống tại các điểm tránh trú an toàn và theo dõi tình hình để có thể hỗ trợ khi có yêu cầu.

3. Công tác xử lý sau thiên tai

- Xét nghiệm nhanh lực lượng PCTT, dịch bệnh, phun khử khuẩn toàn bộ diện tích trong điểm tránh trú an toàn, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải y tế đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh theo các quy định phòng, chống dịch bệnh của ngành Y tế.

- Thu thập danh sách, thông tin và kiểm tra thân nhiệt, khai báo y tế của người dân, hướng dẫn người dân rời điểm sơ tán an toàn theo một chiều. Người dân tại điểm sơ tán an toàn rời trước; người dân nghi nhiễm dịch bệnh trong khu vực, phòng cách ly tạm thời rời sau.

- Khẩn trương phối hợp thực hiện nhiệm vụ cứu chữa người bị thương, tìm kiếm người mất tích; hỗ trợ gia đình mai táng người bị thiệt mạng, thực hiện nguyên tắc “5K”, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh khi thực hiện nhiệm vụ.

- Cung cấp lương thực, thực phẩm... thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm; hỗ trợ người dân từ nơi sơ tán trở về, sửa chữa, thu dọn nhà cửa, vệ sinh môi trường đề phòng dịch bệnh; thực hiện nguyên tắc “5K”, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch, đồng thời kết hợp hướng dẫn, nhắc nhở các hộ gia đình đảm bảo phòng, chống dịch bệnh.

- Hỗ trợ sửa chữa, khôi phục công trình PCTT, giao thông và các công trình hạ tầng công cộng; đánh giá thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ, triển khai ổn định đời sống của người dân, đặc biệt lưu ý tại các khu giãn cách, cách ly phòng, chống dịch bệnh.

- Rà soát, kiểm kê số lượng, đánh giá chất lượng các phương tiện, vật tư phòng, chống thiên tai, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh sau thiên tai để bổ sung, sửa chữa sẵn sàng cho các đợt thiên tai tiếp theo.

- Thực hiện các nhiệm vụ khắc phục hậu quả, phục hồi tái thiết sau thiên tai trên địa bàn đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh.

4. Nhiệm vụ PCTT trong điều kiện dịch bệnh

4.1. Sở Y tế

- Triển khai kế hoạch huy động lực lượng y, bác sỹ tham gia công tác PCTT, dịch bệnh.

- Chuẩn bị đủ phương tiện, vật tư, thiết bị, thuốc trị bệnh cần thiết để đáp ứng nhu cầu cứu thương và khắc phục hậu quả, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, cứu tế cho người dân, đặc biệt là người dân tại các điểm sơ tán dân, tránh trú an toàn.

- Huy động hóa chất, chất khử trùng, khẩu trang y tế, trang thiết bị, máy móc cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng cho các điểm sơ tán dân, các khu tập trung lực lượng PCTT.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn triển khai công tác kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh theo từng tình huống thiên tai xảy ra; hướng dẫn các đơn vị chức năng có liên quan triển khai các phương án đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh trong quá trình tổ chức cứu trợ, cung ứng hàng hóa, nhu yếu phẩm cho người dân tại các khu vực bị thiên tai.

4.2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Sẵn sàng lực lượng, bố trí cán bộ, chiến sĩ sẵn sàng huy động các phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng, thông dụng để tham gia di dời, sơ tán dân, TKCN, đặc biệt là tại các khu vực xung yếu; hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa phương khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

- Phối hợp với Sở Y tế và địa phương chuẩn bị sẵn sàng triển khai bệnh viện dã chiến do dịch lan rộng khi xảy ra thiên tai.

- Huy động nguồn lực tham gia hỗ trợ các địa phương trong việc tổ chức vận chuyển, phân phối hàng hóa, lương thực thực phẩm đến từng hộ gia đình, nhất là các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và cách ly, phong tỏa do dịch bệnh.

4.3. Công an tỉnh

- Triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của Nhân dân, Nhà nước và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng khi thiên tai xảy ra để trộm cắp, cướp giật.

- Chỉ đạo các trạm, chốt tại địa phương và các lực lượng hỗ trợ, tạo điều kiện cho các phương tiện vận chuyển hàng hóa, lương thực, thực phẩm cứu trợ, đảm bảo lưu thông suốt, kịp thời cung ứng đến người dân tại các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

4.4. Sở Công Thương: phối hợp với các doanh nghiệp, hệ thống siêu thị, tổ chức, các địa phương cung ứng đầy đủ hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu cho người dân trong bối cảnh xảy ra thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là các điểm sơ tán dân, khu vực bị cách ly, phong tỏa do dịch bệnh; kịp thời điều phối việc tổ chức cung ứng, phân phối hàng hóa cho người dân.

4.5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh: tổ chức tiếp nhận và cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại, người dân phải di dời, sơ tán, gặp khó khăn do thiên tai kết hợp dịch bệnh sớm ổn định cuộc sống.

4.6. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Cập nhật phương án sơ tán dân theo hướng tăng cường sơ tán tại chỗ, hạn chế sơ tán tập trung; chuẩn bị trang thiết bị, máy móc cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng để xây dựng phương án sơ tán; tăng cường công tác tuyên truyền người dân cài đặt các ứng dụng hỗ trợ phát hiện, truy vết nhanh những người có nguy cơ lây nhiễm; giúp cho việc truy vết, khoanh vùng dập dịch nhanh chóng.

- Tăng cường phương án kết nối, chỉ đạo trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin (email, phần mềm, mạng xã hội facebook, zalo, viber...) phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy điều hành ứng phó và thông tin về thiên tai.

- Sẵn sàng phương án huy động lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu, hóa chất, chất khử trùng, khẩu trang y tế... cho các địa điểm sơ tán dân.

- Lập danh sách các lực lượng phải huy động để ứng phó thiên tai trong trường hợp dịch bệnh có khả năng diễn biến phức tạp, đặc biệt là lực lượng xung kích PCTT ở cơ sở.

- Xây dựng phương án ứng phó thiên tai cho các khu cách ly tập trung, các bệnh viện dã chiến.

- Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị, thuốc men, khẩu trang y tế... đảm bảo an toàn dịch bệnh cho các thành viên Ban Chỉ huy các cấp trong trường hợp phải tập trung chỉ đạo hoặc đi kiểm tra hiện trường cũng như các lực lượng được huy động tham gia công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Khẩn trương triển khai đồng thời phương án ứng phó thiên tai và phòng, chống dịch bệnh tại địa bàn quản lý.

- Phối hợp với lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và huy động lực lượng tại chỗ tổ chức di dời, sơ tán dân ở các khu vực xung yếu đến nơi tránh trú thiên tai an toàn, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh; cung cấp các dịch vụ hậu cần, trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, khẩu trang, thuốc điều trị bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương và nơi tạm cư trong bối cảnh thiên tai kết hợp dịch bệnh.

- Triển khai ngay việc huy động lực lượng khắc phục hậu quả sau thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh; xác định cụ thể phương tiện, trang thiết bị PCTT, dịch bệnh hiện có do các đơn vị trực thuộc quản lý và các phương tiện, trang thiết bị trưng dụng trong Nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để kịp thời huy động ứng cứu khi cần thiết.

- Phối hợp các lực lượng y tế để sơ cấp cứu, chữa bệnh cho người dân và phòng, chống dịch bệnh; tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện biện pháp phòng, chống dịch bệnh khi xảy ra thiên tai.

4.7. Các Sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan, đơn vị liên quan: theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp ứng phó với các tình huống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại khi có yêu cầu.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Căn cứ Phương án này, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xây dựng Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp với đặc điểm của địa phương và theo Quyết định số 02/QĐ-TWPCCTT.

- Phổ biến Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp huyện, cấp xã đến tận người dân.

2. Các Sở ban, ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị và công dân trên địa bàn

- Các tổ chức, đơn vị đóng trên địa bàn phải chịu sự điều động, chấp hành nghiêm chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, đảm bảo cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất trong công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai gây ra, đảm bảo quy trình xử lý sự cố thiên tai được kịp thời, nhanh chóng và an toàn cho Nhân dân.

- Các tổ chức và công dân trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm nhiệm vụ ứng phó thiên tai theo Phương án này.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cho phù hợp với tình hình thực tế phát sinh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
ĐỊA ĐIỂM XUNG YẾU CÓ NGUY CƠ ẢNH HƯỞNG DO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH
 (kèm theo Quyết định số 3427 /QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
TỔNG CỘNG			6,457	21,152	7,134	2,862	9,314		12,737	3,559	11,783		37,480
I. THÀNH PHỐ TÂY NINH			1,661	4,666	1,522	1,044	2,905		6,050	596	1,706		16,190
1	Phường 1		135	321	125	135	321						
-	Khu phố 1	Khu vực ven rạch Tây Ninh	24	56	25					24	56	VP BQL khu phố 1	80
-	Khu phố 2	Khu vực ven rạch Tây Ninh	71	150	55					71	150	Đình Thái Vĩnh Đông và Trường TH Vừa A Dính, khu phố 1.	300
-	Khu phố 5	Khu vực ven rạch Tây Ninh	40	115	45					40	115	Trường TH Trần Quốc Toàn, Trường THCS Phan Bội Châu, khu phố 5	150
2	Phường 2		116	346	107	47	83		120	69	263		730
-	Khu phố 1	Khu vực xóm Lò Heo	31	94	25	10	28	VP BQL khu phố 1	30	21	66	Nhà văn hóa phường 2	100
-	Khu phố 2	Khu vực trại cá	26	87	19	12	20	VP BQL khu phố 2	30	14	67	Trung tâm Văn hóa Thành phố Tây Ninh	100

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
-	Khu phố 3	Khu vực đường Quang Trung	14	36	21	14	11	VP BQL khu phố 3	30	0	25	Văn phòng BQL Khu phố 3, phường 2	30
-	Khu phố 4	Khu vực xóm Chài, cầu Thái Hòa	45	129	42	11	24	VP BQL khu phố 4	30	34	105	Đình Hiệp Ninh	500
3	Phường 3		21	55	30								1,000
-	Khu phố 4	Khu vực ven rạch Tây Ninh	21	55	30					21	55	Trung tâm Văn hóa Tỉnh	1,000
4	Phường IV		40	160	120					40	160		600
-	Khu phố 1	Trên địa bàn khu phố 1	10	40	30					10	40	Trường THCS Võ Văn Kiệt	200
-	Khu phố 2	Trên địa bàn khu phố 2	10	40	30					10	40	Trường THCS Nguyễn Trãi	200
-	Khu phố 3	Trên địa bàn khu phố 3	20	80	60					20	80	Trường THCS Nguyễn Trãi	200
5	Phường Ninh Sơn		250	705	375	250	705		1200				7500
-	Khu phố Ninh Trung	Cầu suối Đùn	30	90	45	30	90	Trường TH Hoàng Diệu	200			Trường TH Trương Định	1000
-	Khu phố Ninh Trung	Cầu Bến Dầu	20	40	20	20	40	Trường TH Hoàng Diệu	200			Trường PT DT Nội trú	1000

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
-	Khu phố Ninh Bình	Bãi xe Tăng Văn Dền	20	45	25	20	45	VP khu phố Ninh Bình	150			Trường Mẫu giáo Hoàng Yến	1000
-	Khu phố Ninh Bình	Bến Bà Mũi	30	80	30	30	80	VP khu phố Ninh Bình	150			Trường TH Trương Định	1000
-	Khu phố Ninh Tân	Suối ngã 3 ĐBP	40	120	80	40	120	VP khu phố Ninh Tân	150			Trường TH Phan Chu Trinh	1000
-	Khu phố Ninh Thành, Ninh Trung, Ninh Phú	Vùng trung tiếp giáp 03 khu phố: Ninh Thành, Ninh Trung, Ninh Phú	40	130	85	40	130	VP khu phố Ninh Phú	150			Trường THCS Nguyễn Tri Phương	1000
-	Khu phố Ninh Trung, Ninh An	Ngã 3 Lâm Vồ	70	200	90	70	200	VP khu phố Ninh An	200			UBND Phường Ninh Sơn	1500
6	Phường Ninh Thạnh		80	360	0	28	150		50	52	210		210
-	Khu phố Ninh Phúc		80	360	0	28	150	Trường THCS Nguyễn Thái Học, Trường TH Trường Duy Tân	50	52	210	UBND Phường Ninh Thạnh	210
7	Xã Bình Minh		4	20	11					4	20		50

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
-	Ấp Giồng Tre	Ấp Giồng Tre	4	20	11					4	20	Nhà văn hóa ấp Giồng Tre	50
8	Xã Thạnh Tân		910	2,300	650	545	1,530		4,500	365	770		4,800
-	Ấp Thạnh Trung	Tổ 1;2;5;7;8	160	400	100	45	180	Miếu Quan lớn Trà Vong	1,000	115	220	Trường TH Lê Ngọc Hân	1,000
-	Ấp Thạnh Hiệp	Tổ 1;2;3	200	600	150	90	300	Trường TH La Văn Cầu	1,500	110	300	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	2,000
-	Ấp Thạnh Đông	Tổ 2;3	250	500	200	110	250	Chùa Phật Khỏe	1,000	140	250	Trường Trung học Thạnh Tân B	800
-	Ấp Thạnh Lợi	Tổ 2;7	300	800	200	300	800	Trạm Y tế xã	1,000	0	0	UBND xã	1,000
9	Xã Tân Bình		105	399	104	39	116	12	180	66	283		1300
-	Ấp Tân Hoà	Khu vực suối Trà Phát	24	78	21	8	25	24; 41	30	16	53	Trường TH Lê Anh Xuân	300
-	Ấp Tân Phước	Khu vực suối giáp ấp Tân Lập, khu vực các hộ dân khu vực trồng rau kèo nèo, khu vực giáp cầu Máng	35	145	39	12	34	27; 29	50	23	111	VP ấp Tân Phước	200

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
-	Ấp Tân Trung	Khu vực giáp suối Vàng, khu vực giáp suối ấp Tân Lập	30	122	26	12	37	11; 5	50	18	85	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi, VP ấp Tân Trung, Nhà văn hoá xã	600
-	Ấp Tân Lập	Khu vực giáp suối qua cầu Máng	16	54	18	7	20	12	50	9	34	VP ấp Tân Lập, Trường MG Hướng Dương	200
II. HUYỆN GÒ DẦU			1,527	5,498	2,502	1,052	3,734		4,757	475	1,764		7,330
1	Xã Cẩm Giang		36	205	105					36	205		230
-	Ấp Cẩm Long	Cặp sông Vàm Cỏ Đông	17	98	49					17	98	VP ấp Cẩm Long	100
-	Ấp Cẩm Bình	Cặp sông Vàm Cỏ Đông	4	22	8					4	22	VP ấp Cẩm Bình	30
-	Ấp Cẩm An	Cặp sông Vàm Cỏ Đông	15	85	48					15	85	VP ấp Cẩm An	100
2	Xã Thạnh Đức		13	40	7				135	13	40		180
-	Ấp Bông Trang	Rạch Bàu Nâu	7	24	4				15	7	24	VP ấp Bông Trang	50
-	Ấp Bến Đình	Bãi cát, ấp Bến Đình	3	10	2				20	3	10	VP ấp Bến Đình	30
-	Ấp Bến Mương	Rạch Đá Hàng	3	6	1				100	3	6	Trường THCS Bến Mương	100

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
3	Xã Hiệp Thạnh		21	74	38	1	7		30	20	67		100
-	Ấp Chánh	Cấp sông Vàm Cỏ Đông	21	74	38	1	7	VP ấp Chánh	30	20	67	Trung tâm VH xã- ấp Giữa	100
4	Xã Phước Trạch		31	114						31	114		250
-	Ấp Cây Ninh	Cấp sông Vàm Cỏ Đông	16	69						16	69	VP ấp Cây Ninh	100
-	Ấp Xóm Mía	Cấp sông Vàm Cỏ Đông	15	45						15	45	VP ấp Xóm Mía	150
5	Thị trấn Gò Dầu		99	405						99	405		1,050
-	KP Thanh Bình B	Cấp sông Vàm Cỏ Đông	13	56						13	56	Thánh thất Cao Đài, KP Thanh Bình B	150
-	KP Nội Ô B	Cấp sông Vàm Cỏ Đông	64	290						64	290	Đình Thanh Phước KP Nội Ô B	500
-	KP Nội ô A	Cấp sông Vàm Cỏ Đông	22	59						22	59	Trung tâm GDTX (KP Nội ô A)	400
6	Xã Thanh Phước		509	1,710	668	493	1,687		1,687	16	23		1,400
-	Ấp Trâm Vàng 1	Tổ 1,2,3,4,5	85	298	115	83	294	Tổ 1,2,3,4,5	294	2	4	Tổ 8	200
-	Ấp Trâm Vàng 2	Tổ 2,3,4	72	261	98	70	257	Tổ 2,3,4	257	2	4	Tổ 5	200

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
-	Ấp Trâm Vàng 3	Tổ 1,2,3,	63	203	81	61	201	Tổ 1,2,3	201	2	2	Tổ 4	200
-	Ấp Xóm Mới 1	Tổ 1,6,11	64	184	78	61	181	Tổ 6,11,12	181	3	3	Tổ 7	200
-	Ấp Xóm Mới 2	Tổ 1,3,13	52	167	71	50	165	Tổ 1,3,13	165	2	2	Tổ 14	200
-	Ấp Cây Xoài	Tổ 1,3,4,5	60	183	76	58	181	Tổ 1,3,4,5	181	2	2	Tổ 13	200
-	Ấp Xóm Đông	Tổ 14,15,16	68	247	91	67	246	Tổ 14,15,16	246	1	1	Tổ 17	100
-	Ấp Rổng Tượng	Tổ 1,2,5,6	45	167	58	43	162	Tổ 1,2,5,6	162	2	5	Tổ 7	100
7	Xã Phước Thạnh		158	534	374					158	534		950
-	Ấp Phước Hội A, B, Phước Tây, Phước Bình A	Khu vực ven cánh đồng Phước Hội A, B Phước Tây, Phước Bình A	93	300	214					93	300	Trường TH Phước Hội, Phước Tây, Phước Bình, UBND Xã	450
-	Ấp Phước Đông, Phước Hòa	Ấp Phước Đông, Phước Hòa	65	234	160					65	234	Trung tâm Văn hóa xã, Trường THPT Phước Đông Trường MG Phước Thạnh	500
8	Xã Phước Đông		632	2,306	1,310	558	2,040		2,905	74	266		2,720
-	Ấp Phước Đức A	Tổ 1,2,8	119	385	156	108	340	1,2,8	400	11	45	6	800
-	Ấp Phước Đức B	Tổ 9,10,11,12	163	639	389	145	586	9,10,12	650	18	53	9	320
-	Ấp Suối Cao A	Tổ 11,12,8	115	405	245	101	363	8,11,12	680	14	42	19	500

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
-	Ấp Suối Cao B	Tổ 8,9,11,17	158	632	395	139	531	8,9,11,17	695	19	101	17	700
-	Ấp Cây Trắc	Tổ 3,6	77	245	125	65	220	3,6	480	12	25	4	400
9	Xã Bàu Đôn		28	110						28	110		450
-	Ấp 2, ấp 6	Cặp kênh Đông	28	110						28	110	Ấp 2,6	450
III. HUYỆN TÂN BIÊN			163	644	154	90	360		620	73	284		1200
1	Xã Hòa Hiệp	ấp Hòa Đông B (khu vực suối Tre), ấp Hòa Lợi (khu vực gần sông Vàm Cỏ)	31	124	25	20	80	Ấp Hòa Lợi, Hòa Đông B	150	11	44	VP ấp, trường học, ấp Hòa Đông B, Hòa Lợi xã Hòa Hiệp	300
2	Xã Trà Vong	Khu vực ấp suối Ông Đình	20	80	18	10	40	Ấp Suối Ông đình	100	10	40	VP ấp, trường học, ấp Suối Ông Đình xã Trà Vong	200
3	Xã Mô Công	ấp Thanh An (Khu vực đường Thuyền)	5	20	8	5	20	Ấp Thanh An	30				
4	Xã Tân Phong	ấp Xóm Thấp (khu Chốt Mạt)	25	100	25	15	60	Ấp Xóm Thấp	200	10	40	Trường THCS xã Tân phong	200
6	Xã Thanh Tây	ấp Thanh Trung	20	90	25	10	40	Ấp Thanh Trung	40	10	50	Trường THCS Nguyễn Khuyến	200
		ấp Thanh Sơn (khu vực Suối Ky)	12	30	8					12	30	VP ấp Thanh Sơn, Trường TH Thanh Sơn	100
5	Thị Trấn	Khu phố I,II (đọc suối Cần Đăng)	50	200	45	30	120	Khu phố I,II	100	20	80	Trung tâm VHTTHTCĐ thị trấn	200

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
IV. HUYỆN CHÂU THÀNH			466	1,528	552					466	1,528		6,220
1	Xã Biên Giới	Ấp Rạch Tre, Tân Định	117	380	35					117	380	UBND xã	500
2	Xã An Bình	Ấp Thanh An, Thanh Bình, An Hòa	4	12	5					4	12	Ấp Thanh Bình, trường THCS An Bình	250
3	Xã Hảo Đước	Ấp Trường, Bình Lợi	34	137	79					34	137	Khu di tích huyện ủy Châu Thành	2,000
4	Xã Long Vĩnh	Ấp Long Đại, Long Phú	28	79	15					28	79	Trạm Y tế, trường mẫu giáo, trường tiểu học, khu di tích lịch sử Giồng Nần	500
5	Xã Phước Vinh	Ấp Phước Lộc, Phước Lợi, Phước Trung, Phước Thanh	109	356	163					109	356	Trường TH: Phước Lộc, Phước Thanh; Sân bóng: Phước Hòa, Phước Thạnh	600
6	Xã Thanh Điền	Ấp Thanh Phước	52	157	31					52	157	Trung tâm Văn hóa xã	250
7	Xã Ninh Điền	Ấp Gò Nổi, Bến Cừ, Trà Sim	16	40	21					16	40	Các trường TH: Gò Nổi, Bến Cừ, Trà Sim	900
8	Xã Hòa Hội	Ấp Hòa Bình, Bưng Rò	8	25						8	25	Ấp Bưng Rò, Hòa Bình	65
9	Thị trấn	Khu Phố III, Khu phố IV	17	41	9					17	41	Khu phố I	200

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
10	Xã An Cơ	Ấp Vĩnh	26	89	35					26	89	VP Ấp Vĩnh	455
11	Xã Thành Long	Ấp Bắc, Nam Bến Sỏi	55	212	159					55	212	VP Ấp: Bắc, Nam Bến Sỏi	500
V. HUYỆN TÂN CHÂU			138	514	132	15	64			123	450		2370
1	Xã Tân Phú		67	288	35		11			67	277		450
-	Ấp Tân Tiến	Tổ 12	49	216	28					49	216	Tổ 22, ấp Tân Tiến, Trường Tân Phú A	250
-	Ấp Tân Xuân	Tổ 5, tổ 6	18	72	7		11			18	61	Ấp Tân Xuân, Trường Tân Phú B	200
2	Xã Tân Đông		62	196	92	8	32			54	164		1870
-	Ấp Đông Tiến	Tổ 1, 9	20	66	35	8	32			12	34	VP ấp Đông Tiến, Trường Mẫu giáo Tân Đông	240
-	Ấp Đông Thành	Tổ 1, 3	12	45	15					12	45	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	1,000
-	Ấp Đông Hiệp	Tổ 4, 6	30	85	42					30	85	VP ấp Đông Hiệp, trường THCS Tân Đông	630
3	Thị trấn Tân Châu		9	30	5	7	21			2	9		50
-	Khu phố 4	Tổ 8, 10	9	30	5	7	21			2	9	Nhà sinh hoạt khu phố 4	50

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
VI. THỊ XÃ TRẢNG BÀNG			824	2,780	1,198	306	1,071		400	503	1,709		700
1	Xã Phước Chi		111	284	66					96	284		0
-		Ấp Phước Lập	14	30	10	14	30	Trường TH Phước Lập	60	14	30		
-		Ấp Phước Long	24	75	15	24	75	Trường TH Trung Lập	90	24	75		
-		Ấp Phước Trung	28	84	18	28	84	Trường TH Trung Lập	90	28	84		
-		Ấp Phước Hội	30	95	23	30	95	Trường TH Phước Hội	110	30	95		
		Ấp Phước Bình	15	48	11	15	48	VP ấp Phước Bình	55	15	48		
2	Xã Phước Bình	Ấp Phước Giang	219	766	358	219	766	Ấp Phước Thành	200				
3	Phường An Hoà		87	305	132	87	305		200	0			
-		Ấp An Hội	21	69	29	21	69	Trường TH An Hội, An Thới	200				
-		Ấp An Thới	66	236	103	66	236						
4	Xã Đôn Thuận		157	550	224					157	550		600
-		Ấp Bà Nhã	49	177	56					49	177	Trường TH Bời Lời III	600
-		Ấp Sóc Lào	40	144	60					40	144		
-		Ấp Bên Kênh	68	229	108					68	229		

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
5	Phường Hưng Thuận		250	875	418					250	875		100
-		Ấp Bùng Bình	128	445	207					128	445	Trường TH Bùng Bình	100
-		Ấp Lộc Thuận	122	430	211					122	430		
VII. THỊ XÃ HÒA THÀNH			429	1,709	540					429	1709		2,520
1	Xã Trường Đông		21	68	27					21	68		100
-		Ô 2, Ô 3, Ô 4 - Trường Ân	21	68	27					21	68	Trường Ân	100
2	Phường Long Thành Bắc		188	714	98					188	714		1000
-		Khu phố Sân Cu	188	714	98					188	714	Trường TH: Long Thành Bắc A, Long Thành Bắc B	1000
3	Phường Long Thành Trung		5	15	4					5	15		100
-		Xóm 2, khu phố Long Trung	5	15	4					5	15	Nhà văn hóa khu phố Long Trung	100
4	Xã Long Thành Nam		179	765	385					179	765		1,000
-		Ấp Bến Kéo	130	520	234					130	520	Trường Quân sự địa phương	1,000
-		Gò Sển (ấp Long Bình)	49	245	151					49	245	Điện thờ phật mẫu và thánh mẫu	

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
5	Phường Hiệp Tân		10	55	18					10	55		200
		Tổ 10 khu Hiệp Hòa	10	55	18					10	55	Tổ 30 khu phố Hiệp Hòa	200
6	Xã Trường Tây		26	92	8					26	92		120
-		Khu vực ven sông Vàm Cỏ	26	92	8					26	92	Trường TH Trường Tây	120
VIII.HUYỆN BẾN CẦU			558	1,974	147	124	455			434	1,519		
1	Xã An Thạnh	Cầu Tà Bang	327	938	90					327	938	Nhà VH ấp Voi, nhà VH xã An Thạnh, trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã, các điểm trường	1400
2	Xã Lợi Thuận	Ấp Thuận Tây, ấp Thuận Đông	115	403	57	81	281	Ấp Thuận Tây, ấp Thuận Đông	700	34	122	Nhà VH xã Lợi Thuận	400
3	Xã Tiên Thuận	Ấp B	27	115		27	115	Ấp B	300				
4	Xã Long Thuận	Rạch Bảo	7	25		7	25	Ấp Long Hòa	300				
5	Xã Long Khánh	Ấp Long Châu	9	34		9	34	Ấp Long Châu	300				
6	Xã Long Giang	Rạch Bảo	23	213				Ấp Xóm Khách		23	213	Nhà VH xã Long Giang	400
7	Xã Long Chữ	Cầu Xóm Khách	50	246				Ấp Long Thạnh		50	246	Nhà VH xã Long Chữ	400

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
VIII.HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU			691	1,839	387	231	725		910	460	1,114		950
1	Xã Bến Củi	Ấp 1 (khu vực đê bao Bến Củi)	15	53	23					15	53	UBND xã Bến Củi	100
2	Xã Suối Đá		100	310	45	30	95		100	70	215		250
		Ấp Phước Lợi 2 (Đảo Nhím)	70	215	45					70	215	VP ấp Phước Lợi 2, Phước Bình 2	250
		Khu vực kênh tiêu Bàu Cối	30	95		30	95	Ấp Phước Bình 1, Phước Bình 2	100				
3	Xã Phước Minh	Ấp B2, Ấp B4 (khu vực kênh tiêu sau đập phụ)	350	750	285					350	750	Văn phòng Ấp B4	300
4	Xã Phước Ninh	Ấp Phước Hội, ấp Phước Tân, Ấp Phước An	25	96	34					25	96	UBND xã Bến Củi	300
5	Xã Lộc Ninh		85	280		85	280		300				
		Khu vực kênh tiêu Suối Ông Hùng	40	130		40	130	Ấp Lộc Trung, Lộc Thuận	150				
		Khu vực kênh tiêu Suối Nhánh	45	150		45	150	Ấp Lộc Tân, Lộc Hiệp	150				

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Địa điểm xung yếu (tổ, ấp, khu vực sản xuất ...)	Tổng										
			Hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) phải di dời, (người)	Đối tượng dễ bị tổn thương (người)	Sơ tán, di dời tại chỗ				Sơ tán, di dời tập trung			
						Hộ dân (hộ)	Số dân (người)	Địa điểm		Số hộ dân (hộ)	Số dân (nhân khẩu) (người)	Địa điểm	
								Tổ, ấp	Sức chứa (người)			Tổ, ấp	Sức chứa (người)
6	Xã Chà Là		65	195		65	195		260				
		Khu vực kênh tiêu T2-Rạch Rễ	25	60		25	60	Ấp Ninh Hưng 1	60				
		Khu vực Suối Cùn-Suối Láng	40	135		40	135	Ấp Láng, Trường TH Bình Linh	200				
7	Xã Cầu Khởi	Kênh tiêu Cầu Khởi-Khu vực hạ lưu cống 6 cửa	30	95		30	95	Ấp Khởi Hà, Khởi Nghĩa	100				
8	Thị trấn	Khu vực kênh tiêu Bàu Cối	21	60		21	60	Khu phố 1, 2, 4	150				

Phụ lục II

DIỆN TÍCH SẢN XUẤT VÙNG CÓ NGUY CƠ ẢNH HƯỞNG DO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(kèm theo Quyết định số 3427 /QĐ-UBND ngày 14 / 12 /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Địa điểm bị ảnh hưởng (Tổ, ấp, xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích, trong đó:	Diện tích sản xuất nông nghiệp (ha)					Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)				
			Tổng	Diện tích lúa	Diện tích cây công nghiệp dài ngày	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày	Diện tích hoa, rau màu	Tổng	Diện tích nuôi cá tra	Diện tích nuôi cá tạp	Diện tích nuôi giống các loại	Diện tích nuôi các loại thủy sản khác
TỔNG CỘNG		13,287.46	13,202.80	10,746.60	422.10	1,750.10	284.00	84.66	35.40	10.66	10.00	28.60
I	THÀNH PHỐ TÂY NINH	310.50	299.00	134.80	67.10	61.10	36.00	11.50	0.50	1.00	10.00	
1	Phường 1	36.00	35.00	34.00			1.00	1.00		1.00		
-	Khu vực ven rạch Tây Ninh (KP 1)	14.00	13.00	12.00			1.00	1.00		1.00		
-	Khu vực ven rạch Tây Ninh (KP 2)	17.00	17.00	17.00								
-	Khu vực ven rạch Tây Ninh (KP 5)	5.00	5.00	5.00								
2	Phường 3	14.00	14.00	14.00								
-	Khu vực ven rạch Tây Ninh (KP 4)	14.00	14.00	14.00								
3	Phường IV	6.00	6.00		4.00		2.00					
-	Khu phố 3	6.00	6.00		4.00		2.00					
4	Phường Ninh Sơn	64.00	54.00	29.00	25.00			10.00			10.00	
-	Cầu suối Đùng (KP Ninh Trung)	15.00	15.00		15.00							
-	Cầu Bến Dầu (KP Ninh Trung)	6.00	6.00	6.00								

STT	Địa điểm bị ảnh hưởng (Tổ, ấp, xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích, trong đó:	Diện tích sản xuất nông nghiệp (ha)					Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)				
			Tổng	Diện tích lúa	Diện tích cây công nghiệp dài ngày	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày	Diện tích hoa, rau màu	Tổng	Diện tích nuôi cá tra	Diện tích nuôi cá tạp	Diện tích nuôi giống các loại	Diện tích nuôi các loại thủy sản khác
-	Ngã ba Lâm Vồ (KP Ninh An)	15.00	15.00	15.00								
-	Bến Bà Mùi (KP Ninh Bình)	13.00	13.00	3.00	10.00							
-	Suối ngã ba ĐBP (KP Ninh Tân)	5.00	5.00	5.00								
-	Trại cá dọc kênh Tây (KP.Ninh Bình)	10.00						10.00			10.00	
5	Phường Ninh Thạnh	50.00	50.00	20.00	10.00	10.00	10.00					
-	KP Ninh Phúc	50.00	50.00	20.00	10.00	10.00	10.00					
6	Xã Bình Minh	1.50	1.00	0.80	0.10	0.10		0.50	0.50			
-	Ấp Bình Trung, ấp Bàu Lùn, Giồng Tre	1.00	1.00	0.80	0.10	0.10						
-	Ấp Giồng Tre	0.50						0.50	0.50			
7	Xã Thạnh Tân	139.00	139.00	37.00	28.00	51.00	23.00					
-	Ấp Thạnh Trung	27.00	27.00	4.00	8.00	10.00	5.00					
-	Ấp Thạnh Hiệp	25.00	25.00	3.00	10.00	6.00	6.00					
-	Ấp Thạnh Đông	45.00	45.00	20.00	5.00	15.00	5.00					
-	Ấp Thạnh Lợi	42.00	42.00	10.00	5.00	20.00	7.00					
II	HUYỆN TÂN BIÊN	750.00	750.00	410.00	150.00	160.00	30.00					
1	Khu vực ấp Suối Ông Đình xã Trà Vong	300.00	300.00	180.00	50.00	55.00	15.00					

STT	Địa điểm bị ảnh hưởng (Tổ, ấp, xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích, trong đó:	Diện tích sản xuất nông nghiệp (ha)					Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)				
			Tổng	Diện tích lúa	Diện tích cây công nghiệp dài ngày	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày	Diện tích hoa, rau màu	Tổng	Diện tích nuôi cá tra	Diện tích nuôi cá tạp	Diện tích nuôi giống các loại	Diện tích nuôi các loại thủy sản khác
2	Ấp Thanh An xã Mỏ Công	200.00	200.00	140.00	30.00	25.00	5.00					
3	Ấp Hòa Lợi xã Hòa Hiệp	150.00	150.00	90.00	30.00	25.00	5.00					
4	Ấp Thạnh Sơn (khu vực Suối Ky)	100.00	100.00		40.00	55.00	5.00					
III	HUYỆN CHÂU THÀNH	6,359.00	6,359.00	6,129.00	35.00	92.00	103.00					
1	KP I, KP III, thị trấn Châu Thành	8.00	8.00	8.00								
2	Ấp Hòa Bình, Bung Rò, xã Hòa Hội	16.50	16.50	16.50								
3	Ấp Gò Nổi, Bến Cừ, Trà Sim xã Ninh Điền	1,021.00	1,021.00	940.00			81.00					
4	Xã Thanh Điền	155.00	155.00	155.00								
5	Ấp Phước Lộc, Phước Lợi, Phước Thạnh, Phước Trung, Phước Hòa	1,583.00	1,583.00	1,546.00		37.00						
6	Ấp Long Đại, Long Phú, xã Long Vĩnh	1,750.00	1,750.00	1,750.00								
7	Ấp Sân Lễ, Bàu Sen, xã Hào Đức	66.50	66.50	66.50								
8	Ấp Thanh An, Thanh Bình, An Hòa, xã An Bình	95.00	95.00	95.00								
9	Ấp Tân Định, Rạch Tre, xã Biên Giới	1,250.00	1,250.00	1,150.00	35.00	55.00	10.00					
10	Xã An Cơ	104.00	104.00	92.00			12.00					
11	Ấp Bắc Bến Sỏi, Nam Bến Sỏi, xã Thành Long	95.00	95.00	95.00								

STT	Địa điểm bị ảnh hưởng (Tổ, ấp, xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích, trong đó:	Diện tích sản xuất nông nghiệp (ha)					Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)				
			Tổng	Diện tích lúa	Diện tích cây công nghiệp dài ngày	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày	Diện tích hoa, rau màu	Tổng	Diện tích nuôi cá tra	Diện tích nuôi cá tạp	Diện tích nuôi giống các loại	Diện tích nuôi các loại thủy sản khác
12	Xã Hòa Thạnh	215.00	215.00	215.00								
IV	HUYỆN TÂN CHÂU	1,435.80	1,421.00		70.00	1,327.00	24.00	14.80	1.20			13.60
1	Xã Tân Phú	830.00	830.00			819.00	11.00					
-	Ấp Tân Xuân (Trảng Tròn, Trảng Sơn)	100.00	100.00			100.00						
-	Ấp Tân Xuân, ấp Tân Lợi (bàu Tà Mun)	70.00	70.00			64.00	6.00					
-	Ấp Tân Xuân, ấp Tân Lợi (trảng Đồng Bò)	80.00	80.00			80.00						
-	Ấp Tân Thanh (bàu Sen)	300.00	300.00			295.00	5.00					
-	Ấp Tân Châu, Tân Lợi	280.00	280.00			280.00						
2	Xã Tân Hà	115.00	115.00			115.00						
-	Tổ 10, tổ 11 ấp Tân Dũng	5.00	5.00			5.00						
-	Tổ 10, 11, 12 ấp Tân Kiên	90.00	90.00			90.00						
-	Tổ 2, 6, 8 ấp Tân Cường	20.00	20.00			20.00						
3	Xã Tân Đông	116.00	116.00		50.00	60.00	6.00					
-	Tổ 1, tổ 9 ấp Đông Tiến	22.00	22.00		20.00		2.00					
-	Tổ 1, 3, 4, 5 ấp Đông Thành	31.00	31.00		30.00		1.00					
-	Tổ 1,3 ấp Đông Hiệp	63.00	63.00			60.00	3.00					

STT	Địa điểm bị ảnh hưởng (Tổ, ấp, xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích, trong đó:	Diện tích sản xuất nông nghiệp (ha)					Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)				
			Tổng	Diện tích lúa	Diện tích cây công nghiệp dài ngày	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày	Diện tích hoa, rau màu	Tổng	Diện tích nuôi cá tra	Diện tích nuôi cá tạp	Diện tích nuôi giống các loại	Diện tích nuôi các loại thủy sản khác
4	Xã Tân Hưng	277.40	270.00	0.00	10.00	253.00	7.00	7.40	0.60			6.80
-	Ấp Tân Đông	100.00	100.00			95.00	5.00					
-	Ấp Tân Trung	80.00	80.00			78.00	2.00					
5	Tổ 12, ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Đông	80.00	80.00			80.00						
6	Tổ 10, tổ 11 ấp 3, xã Suối Dây	10.00	10.00		10.00							
7	Tổ 8, khu phố 4 thị trấn Tân Châu	7.40						7.40	0.60			6.80
V	HUYỆN GÒ DẦU	2,441.00	2,441.00	2,441.00								
1	Thị trấn Gò Dầu	49.00	49.00	49.00								
-	Khu phố Nội ô A	2.00	2.00	2.00								
-	Khu phố Thanh Bình B	45.00	45.00	45.00								
-	Khu phố Rạch Sơn	2.00	2.00	2.00								
2	Xã Thanh Phước	450.00	450.00	450.00								
-	Ấp Trâm Vàng 1	130.00	130.00	130.00								
-	Ấp Trâm Vàng 2	210.00	210.00	210.00								
-	Ấp Trâm Vàng 3	110.00	110.00	110.00								
3	Xã Thạnh Đức	615.00	615.00	615.00								
-	Ấp Bến Muong	176.00	176.00	176.00								

STT	Địa điểm bị ảnh hưởng (Tổ, ấp, xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích, trong đó:	Diện tích sản xuất nông nghiệp (ha)					Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)				
			Tổng	Diện tích lúa	Diện tích cây công nghiệp dài ngày	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày	Diện tích hoa, rau màu	Tổng	Diện tích nuôi cá tra	Diện tích nuôi cá tạp	Diện tích nuôi giống các loại	Diện tích nuôi các loại thủy sản khác
-	Ấp Trà Vỡ	99.00	99.00	99.00								
-	Ấp Bến Đình	105.00	105.00	105.00								
-	Ấp Bông Trang	161.00	161.00	161.00								
-	Ấp Rộc A	74.00	74.00	74.00								
4	Xã Cẩm Giang	800.00	800.00	800.00								
-	Ấp Cẩm An	100.00	100.00	100.00								
-	Ấp Cẩm Long	100.00	100.00	100.00								
-	Ấp Cẩm Bình	600.00	600.00	600.00								
5	Xã Hiệp Thạnh	317.00	317.00	317.00								
-	Ấp Chánh	247.00	247.00	247.00								
-	Ấp Đá Hàng	40.00	40.00	40.00								
-	Ấp Giữa	30.00	30.00	30.00								
6	Xã Phước Trạch	210.00	210.00	210.00								
-	Ấp Xóm Mía	160.00	160.00	160.00								
-	Ấp Cây Nính	50.00	50.00	50.00								
VI	THỊ XÃ TRĂNG BÀNG	1,247.00	1,200.00	900.00	100.00	110.00	90.00	47.00	32.00			15.00

STT	Địa điểm bị ảnh hưởng (Tổ, ấp, xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích, trong đó:	Diện tích sản xuất nông nghiệp (ha)					Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)				
			Tổng	Diện tích lúa	Diện tích cây công nghiệp dài ngày	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày	Diện tích hoa, rau màu	Tổng	Diện tích nuôi cá tra	Diện tích nuôi cá tạp	Diện tích nuôi giống các loại	Diện tích nuôi các loại thủy sản khác
1	Xã Phước Chi	456.00	450.00	450.00				6.00	2.00			4.00
2	Xã Bình Thạnh	155.00	150.00	150.00				5.00	1.00			4.00
3	Phường An Hoà	100.00	100.00	100.00								
4	Xã Đôn Thuận	256.00	250.00	100.00	50.00	60.00	40.00	6.00	4.00			2.00
5	Phường Hưng Thuận	280.00	250.00	100.00	50.00	50.00	50.00	30.00	25.00			5.00
VII	THỊ XÃ HÒA THÀNH	744.16	732.80	731.80			1.00	11.36	1.70	9.66		
1	Ô 2, Trường Ân, Ô 4 Trường Đức, Trường Đông	3.00	3.00	2.00			1.00					
2	Cánh đồng Sân Cu, phường Long Thành Bắc	208.46	199.80	199.80				8.66		8.66		
3	Xóm 1, xóm 2 ấp Long Trung, phường Long Thành Trung	300.00	300.00	300.00								
4	Ấp Bến Kéo, xã Long Thành Nam	200.00	200.00	200.00								
5	Tổ 1 và tổ 30, khu phố Hiệp Hòa, phường Hiệp Tân	32.70	30.00	30.00				2.70	1.70	1.00		

Phụ lục III
CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ NGUY CƠ ẢNH HƯỞNG DO
THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(kèm theo Quyết định số ~~847~~ 27/QĐ-UBND ngày ~~14~~ 12/2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Công trình	Địa điểm
I	CÔNG TRÌNH THỦY LỢI	
1	Đập chính, đập phụ, đập tràn, cống số 1, cống số 2 của hồ Dầu Tiếng	Xã: Suối Đá, Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu
2	Hồ Tha La (công trình cụm đầu mối)	Thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu
3	Kênh chính Tân Châu (CTTK)	Xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu
4	Kênh chính Tân Hưng (CTTK)	Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu; xã Tân Phong, huyện Tân Biên
5	Kênh chính Tân Biên (CTTK)	Xã An Cơ, huyện Châu Thành; xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên
6	Kênh chính Đức Hòa (CTTK)	Phường Lộc Hưng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng
7	Kênh N20 (CTTK)	Phường Lộc Hưng, phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng
8	Kênh N4 (CTTK)	Xã Truong Mít, huyện Dương Minh Châu; xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu
9	Kênh N8 (CTTK)	Xã Truong Mít, huyện Dương Minh Châu; xã Hiệp Thành, xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu
10	Kênh N14 (CTTK)	Xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng; xã Bàu Đồn, Phước Thạch huyện Gò Dầu
11	Kênh N18 (CTTK)	Xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng; xã Phước Đông, huyện Gò Dầu
12	Kênh N22 (CTTK)	Phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng
13	Kênh N23 (CTTK)	Phường Lộc Hưng, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng
14	Kênh N19-19-4 (CTTK)	Xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu; phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng

TT	Công trình	Địa điểm
16	Kênh TN1 (CTTK)	Xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu; xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành; xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu
17	Kênh TN5 (CTTK)	Xã Bàu Năng, xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu
18	Kênh TN17 (CTTK)	Xã Đồng Khởi, xã An Bình, huyện Châu Thành
19	Kênh TN19 (CTTK)	Xã Đồng Khởi, xã Thái Bình, huyện Châu Thành
20	Kênh TN21 (CTTK)	Xã An Cơ, xã Hào Đức, huyện Châu Thành
21	Kênh TN25 (CTTK)	Xã An Cơ, xã Hào Đức, huyện Châu Thành
II	TRƯỜNG HỌC	
1	Thị xã Trảng Bàng	
-	Mẫu giáo Phước Chi	Ấp Phước Hưng, xã Phước Chi
-	TH Phước Chi	Ấp Phước Đông, xã Phước Chi
-	THCS Phước Chi	Ấp Phước Thuận, xã Phước Chi
-	Mẫu giáo Phước Lưu	Ấp Phước Thành, xã Phước Bình
-	TH Phước Lưu	
-	THCS Phước Lưu	Ấp Gò Ngãi, xã Phước Bình
-	MG Bình Minh	Ấp Bình Thuận, xã Phước Bình
-	TH Bình Thạnh	
-	THCS Bình Thạnh	
2	Huyện Dương Minh Châu	
-	TH Phước Minh B	Ấp B2, xã Phước Minh

Phụ lục IV
LỰC LƯỢNG DỰ KIẾN HUY ĐỘNG THAM GIA CÔNG TÁC ỨNG PHÓ THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH
(kèm theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 14/12/2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Lực lượng (người)
Tổng (I+II)		16,727
I	Lực lượng vũ trang làm chủ lực trong công tác khắc phục hậu quả sự cố vỡ đập, hồ chứa nước, gồm lực lượng: Quân sự, Công an, Biên phòng, lực lượng theo Hiệp đồng, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai	
II	CÁC SỞ BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TỈNH	3,651
1	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	21
2	Tài chính	20
3	Xây dựng	16
4	Thông tin và Truyền thông	124
5	Giao thông vận tải	12
6	Tài Nguyên và Môi trường	21
7	Khoa học và Công nghệ	10
8	Kế hoạch và Đầu tư	27
9	Y tế	18
9	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	60
10	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh	140
11	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hoà	176
12	Tỉnh đoàn	17
13	Hội Chữ thập đỏ tỉnh (các hội viên)	2,989
14	Công ty Điện lực Tây Ninh	20
III	UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	13,076
1	UBND thị xã Trảng Bàng	343
2	UBND huyện Bến Cầu	433
3	UBND huyện Gò Dầu	1,263

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Lực lượng (người)
4	UBND huyện Dương Minh Châu	2,323
5	UBND huyện Tân Châu	1,733
6	UBND huyện Tân Biên	1,179
7	UBND thị xã Hòa Thành	745
8	UBND huyện Châu Thành	1,476
9	UBND thành phố Tây Ninh	3,581

Phụ lục V
PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC TKCN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(kèm theo Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 14/12/2021
của Chủ Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng		Ghi chú
			Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện	Huy động từ doanh nghiệp, nhân dân	
I	BẢN TỔNG HỢP				
1	Xe các loại (ô tô, mô tô, xe tải,...)	Chiếc	210	1,163	
2	Tàu thuyền, ca nô các loại	Chiếc	32	386	
3	Nhà bạt các loại	Cái	149	1	
4	Áo phao	Cái	2,668	30	
5	Phao tròn cứu sinh	Cái	2,576	0	
6	Phao bè loại nhẹ	Cái	17		
7	Máy phát điện	Cái	350	9	
8	Máy bơm nước	Cái	33	52	
9	Bồn chứa nước	Bồn	19		
10	Bồn kéo nước	Bồn	1		
II	DIỄN GIẢI				
1	Sở Giao thông vận tải				
-	Xe các loại	chiếc		39	
2	Sở Thông tin và Truyền thông				
-	Xe các loại (ô tô, mô tô, xe tải)	Chiếc	38		
-	Áo phao	Cái	61		
-	Máy phát điện	Cái	337		
3	Sở Ngoại vụ				
-	Xe các loại	Chiếc	4		
-	Máy bơm nước	Cái	1		
-	Máy phát điện	Cái	1		
4	Sở Nông nghiệp và PTNT				
-	Xe các loại	Chiếc	10		
-	Áo phao	Cái	7		
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	10		
-	Máy bơm nước	Cái	2		
-	Máy phát điện	Cái	2		
-	Máy cày	Chiếc	7		
-	Bồn kéo nước	Bồn	1		
-	Bồn chứa nước	Bồn	19		
5	Sở Y tế				

TT	Phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng		
			Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện	Huy động từ doanh nghiệp, nhân dân	Ghi chú
-	Xe cứu thương	Chiếc	45		
6	Sở Xây dựng				
-	Xe ô tô	Chiếc	2		
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư				
-	Xe ô tô	Chiếc	2		
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
-	Xe ô tô	Chiếc	2	1	
9	Sở Tài Nguyên và Môi trường				
-	Xe ô tô	Chiếc	3		
10	Báo Tây Ninh				
-	Xe các loại	Chiếc	3		
-	Máy bơm nước	Cái	1		
-	Máy phát điện	Cái	1		
-	Thiết bị chữa cháy	Bình	9		
11	Tỉnh đoàn				
-	Xe các loại	Chiếc	2		
12	Hội Chữ thập đỏ				
-	Áo phao	Cái	10		
13	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh				
-	Xe các loại (ô tô tải, máy đào)	Chiếc	8		Huy động từ doanh nghiệp
-	Ghe, thuyền	Chiếc	4		
-	Cuốc, xẻng các loại	Cái	30		
-	Áo phao	Cái	10		
-	Xà beng, rọ thép, đá hộc, ...				
14	Công ty Điện lực Tây Ninh				
-	Xe cầu	Chiếc	1		
III	UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ				
1	Huyện Bến Cầu				
-	Xe các loại	Chiếc		514	
-	Ghe, xuồng 5 tấn	Chiếc		18	
-	Nhà bạt các loại	Cái	9		60m ² : 2; 24,75m ² : 4; 16,5m ² : 3.
-	Áo phao	Cái	300		
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	230		
-	Máy bơm nước	Cái	2		

TT	Phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng		
			Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện	Huy động từ doanh nghiệp, nhân dân	Ghi chú
-	Máy phát điện	Cái	1		
-	Phao bè loại nhẹ	Chiếc	1		
2	Huyện Dương Minh Châu				
-	Tàu thuyền	Chiếc		21	
-	Nhà bạt các loại	Cái	21		24,75m ² : 5; 16,5m ² : 16.
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	380		
-	Áo phao	Cái	603	30	
-	Máy bơm nước	Cái		20	
-	Máy phát điện	Cái		2	
-	Phao bè loại nhẹ	Chiếc	3		
3	Huyện Châu Thành				
-	Xe các loại	Chiếc	67	263	
-	Nhà bạt	Bộ	18	1	60m ² : 3; 24,75m ² : 6; 16,5m ² : 9.
-	Áo phao	Cái	477		
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	415		
-	Phao bè loại nhẹ	Cái	3		
-	Máy cày	Chiếc		52	
-	Tàu, ghe, phà, ca nô	Cái	12	279	
-	Máy bơm nước	Cái	21	32	
-	Máy phát điện	Cái		7	
-	Máy kéo	Cái		18	
4	Thành phố Tây Ninh				
-	Xe các loại	Chiếc	3		Ô tô tải: 1; Du lịch: 2.
-	Nhà bạt các loại	Cái	19		60m ² : 5; 24,75m ² : 5; 16,5m ² : 9.
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	205		
-	Áo phao	Cái	165		
5	Thị xã Hoà Thành				
-	Nhà bạt các loại	Cái	14		60m ² : 1; 24,75m ² : 5; 16,5m ² : 8.
-	Áo phao	Cái	180		

TT	Phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng		
			Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện	Huy động từ doanh nghiệp, nhân dân	Ghi chú
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	275		
-	Phao bè loại nhẹ	Cái	1		
6	Huyện Tân Biên				
-	Nhà bạt các loại	Cái	16		60m ² : 2; 24,75m ² : 5; 16,5m ² : 9.
-	Áo phao	Cái	140		
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	105		
-	Phao bè loại nhẹ	Chiếc	1		
7	Huyện Tân Châu				
-	Nhà bạt các loại	Cái	6		60m ² : 2; 24,75m ² : 3; 16,5m ² : 1.
-	Áo phao	Cái	290		
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	360		
-	Phao bè loại nhẹ	Cái	3		
8	Huyện Gò Dầu				
-	Nhà bạt các loại	Cái	15		60m ² : 3; 24,75m ² : 6; 16,5m ² : 6.
-	Áo phao	Cái	255		
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	405		
-	Phao bè loại nhẹ	Cái	2		
-	Xe các loại	Chiếc	13	276	
-	Ghe xuồng	Chiếc		68	
9	Thị xã Trảng Bàng				
-	Nhà bạt các loại	Cái	31		60m ² : 4; 24,75m ² : 9; 16,5m ² : 18.
-	Áo phao	Cái	170		
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	191		
-	Phao bè loại nhẹ	Cái	3		
-	Máy bơm nước	Cái	3		
-	Xuồng nhỏ	Chiếc	16		
-	Ca nô	Chiếc	1		
-	Máy phát điện	Cái	8		
-	Máy bơm nước	Cái	3		